

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 849 /TB-CHP
V/v công bố
Báo cáo thường niên năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Mã chứng khoán: PHP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền,
thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3859945

Fax: 0225.3859973

Email: congbothongtin@haiphongport.com.vn

2. Nội dung của thông tin công bố: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty)
công bố Báo cáo thường niên năm 2019

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày
09/4/2020 tại website www.haiphongport.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*Tài liệu đính kèm Thông báo: Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng
Hải Phòng*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TKCT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
(Tài liệu để công bố thông tin)

Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200236845
- Vốn điều lệ: 3.269.600.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.269.600.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3859.945
- Số fax: 0225.3859.973
- Website: www.haiphongport.com.vn
- Mã cổ phiếu: PHP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Cảng Hải Phòng do Pháp xây dựng từ năm 1874 và chuyển giao lại cho chính quyền cách mạng năm 1955 sau khi Hải Phòng hoàn toàn được giải phóng.

Ngày 21/3/1956, Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện (Nay là Bộ Giao thông vận tải) Nguyễn Trân đã ký Nghị định số 17/NĐ về việc đặt Cảng Hải Phòng trực thuộc ngành vận tải thủy để phụ trách, quản lý Cảng Hải Phòng.

Ngày 25/6/1965, Cục đường biển Việt Nam có Quyết định số 162/QĐ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Cảng Hải Phòng.

Từ những năm 1960, Cảng Hải Phòng bắt đầu được xây dựng và cải tạo lại theo thiết kế quy hoạch nâng cấp Cảng Hải Phòng do Liên Xô giúp đỡ. Đến năm 1982, việc xây dựng cải tạo Cảng cơ bản hoàn thành với 11 cầu tàu có tổng chiều dài khoảng 1.750 m tại khu vực Cảng chính, có thể đón tàu 10.000DWT ra vào để xếp dỡ hàng hóa. Từ năm 1960 đến năm 1985, Cảng Hải Phòng còn hình thành thêm khu vực Cảng Vật Cách, khu vực Cảng Đoạn Xá và Cảng Chùa Vẽ.

Ngày 11/3/1993, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 376/QĐ/TCCB-LĐ thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Hải Phòng.

Tháng 6 năm 2008, Cảng Hải Phòng chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 3088/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2007 của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 4/2/2013, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 276/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015.

Ngày 15/3/2013, Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 103/QĐ-HHVN về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cổ phần hóa trong đó có Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Ngày 8/4/2014, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 118/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành công ty cổ phần.

Ngày 04/7/2014, Cảng Hải Phòng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5, hoàn tất việc chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng sang hình thức công ty cổ phần. Cảng Hải Phòng được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 18/7/2014.

Ngày 12/08/2015 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng bắt đầu niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: PHP.

Tại thời điểm chuyển mô hình hoạt động sang công ty cổ phần, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) có 06 đơn vị trực thuộc. Tháng 2/2016, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện chuyển đổi mô hình của 03 đơn vị trực thuộc sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu, gồm Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng. Từ thời điểm đó đến nay, Cảng Hải Phòng còn 02 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Tân Vũ và chi nhánh Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của công ty, Cảng Hải Phòng đã thực hiện tái sắp xếp các phòng nghiệp vụ trong giai đoạn 2014-2019 số lượng phòng nghiệp vụ của Cảng Hải Phòng cũng có sự thay đổi, từ 10 phòng nghiệp vụ thành 6 phòng và 02 trung tâm như hiện nay.

Về định hướng phát triển dài hạn của công ty, ngày 09/10/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã ký Quyết định số 1323/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu các bến cảng container quốc tế số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng – Cảng Hải Phòng. Dự án sẽ được khởi công xây dựng từ năm 2020 và hoàn thành vào năm 2025. Trong đó, bến số 3 sẽ được đưa vào khai thác từ năm 2022.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành
1	Bốc xếp hàng hóa
2	Vận tải hàng hóa đường sắt
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Môi giới tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường

TT	Tên ngành
	biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
9	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container
11	Giáo dục nghề nghiệp
12	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá
13	Lai dắt và hỗ trợ tàu biển
14	Sửa chữa máy móc thiết bị
15	Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác, cầu tàu, bến bãi
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ
17	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp...)
18	Dịch vụ phục vụ đồ uống
19	Cho thuê xe có động cơ
20	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa, cho thuê thiết bị nâng hạ

2.2. Địa bàn kinh doanh: Tại thành phố Hải Phòng

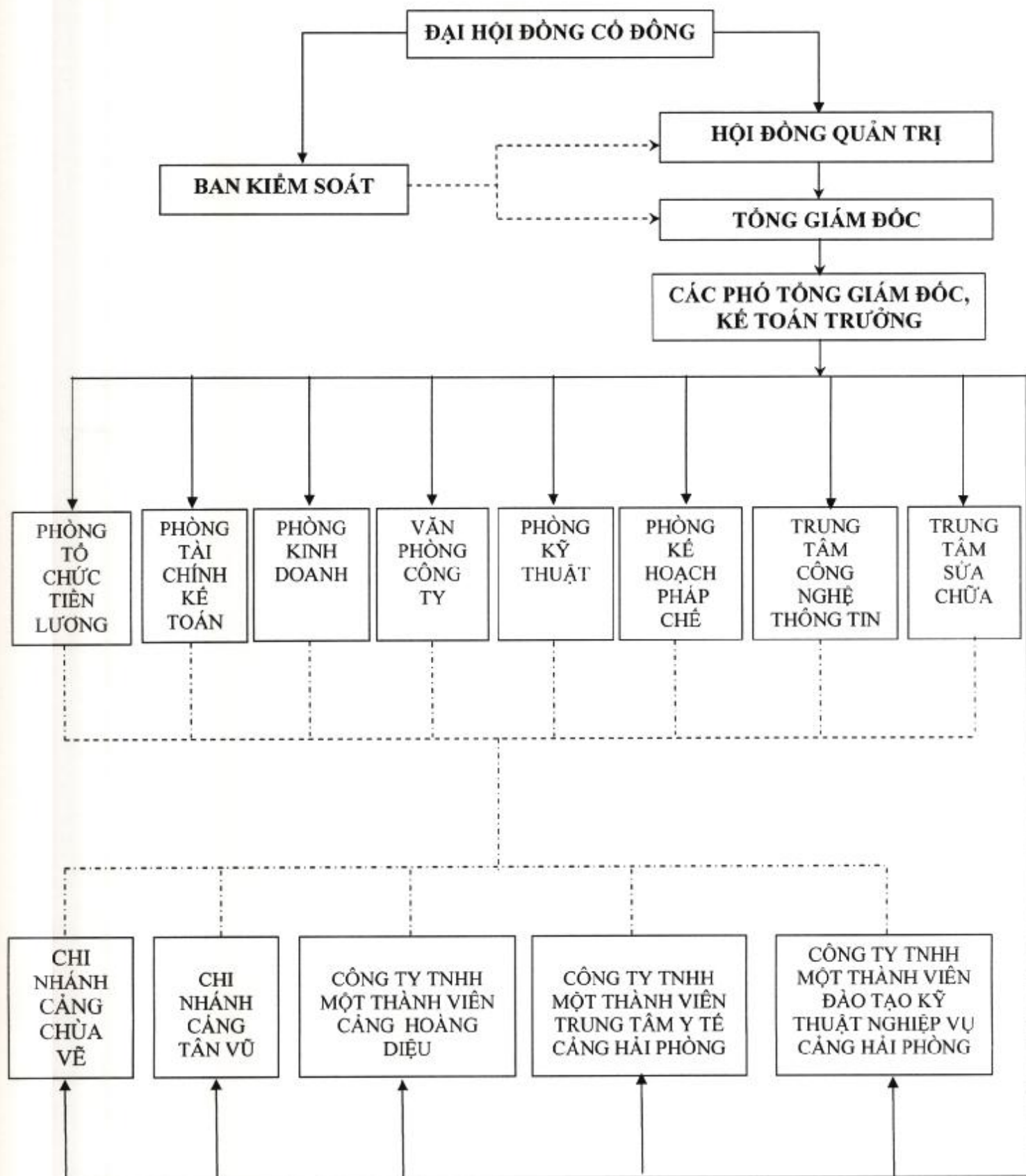
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) có mô hình quản trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Doanh nghiệp năm 2014 với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

3.3.1. Các công ty con

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp của CTCP Cảng Hải Phòng tại doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Bốc xếp hàng hóa	430.000.000.000	100
2	Công ty TNHH một thành viên Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 5 đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	Giáo dục nghề nghiệp	1.000.000.000	100
3	Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 đường Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	15.000.000.000	100
4	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi. Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu. Vận tải hàng hóa đa phương thức. Dịch vụ hàng hải. - Khai thác - Kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại	204.000.000.000	51

			<p>quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng, nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch. - Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng. - Kinh doanh và vận tải xăng dầu. - Mua bán và cho thuê các loại máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành khai thác cảng. - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông và công nghiệp. - Mua bán sắt, thép, kim loại màu, phế liệu phá dỡ tàu biển. - Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh và đầu tư phát triển nhà ở 		
5	CTCP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Số 4 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Bốc xếp hàng hóa, bảo quản, giao nhận hàng hóa - Dịch vụ chuyển tải hàng hóa - Cho thuê tàu lai - Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy - Hoạt động tàu lai đưa tàu cập bến cảng - Trục vớt tàu thuyền - Kinh doanh kho bãi 	16.200.000.000	60

3.3.2. Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp của CTCP Cảng Hải Phòng tại doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %
1	Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 13.680.000.000	26,01	50
2	Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 128.672.013.800	23,26	45,6
3	Công ty cổ phần HPH Logistics	Lô đất CN 2.6A, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	11.596.000.000	38,81	38,81
4	Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Số 21 Võ Thị Sáu, Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	6.300.000.000	32,24	32,24
5	Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Đầm Mắm, Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	3.000.000.000	20,12	20,12

6	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	Tầng 2, Tòa nhà số 2 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	23.500.000.000	27,61	27,61
7	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	31.440.000.000	30,52	30,52
8	Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc	Số 55 Nguyễn Trãi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5.000.000.000	25	25

4. Định hướng phát triển

*** Mục tiêu chiến lược của Cảng Hải Phòng giai đoạn 2019-2024:**

- **Về định vị thị trường và thương hiệu:** giữ vững vị thế là doanh nghiệp cảng biển đứng đầu tại khu vực miền Bắc, có quy mô lớn về thị phần, doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.

- **Về tài chính doanh nghiệp:** tăng trưởng ổn định; bảo toàn và phát triển vốn, thu hút được vốn đầu tư của các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên các đối tác là doanh nghiệp có lợi ích từ dịch vụ khai thác cảng

- **Về công tác thị trường, khai thác:**

+ Duy trì tốc độ tăng trưởng, bảo vệ thị phần cảng biển thông qua chiếm lĩnh thị trường, tăng khối lượng, chất lượng và đa dạng hóa các dịch vụ được cung cấp.

+ Phát triển hoạt động logistics nhằm thiết lập gói dịch vụ chuỗi khép kín và các dịch vụ giá trị gia tăng nhằm mở rộng quy mô hoạt động, mô hình kinh doanh, nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ cho khách hàng, tạo điểm bán hàng uy tín chất lượng.

+ Liên doanh, liên kết với các đối tác lớn, có uy tín trong khu vực và trên thế giới nhằm phát triển và hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh, tận dụng thế mạnh về nguồn vốn, công nghệ, trình độ, kinh nghiệm và mạng lưới toàn cầu của đối tác để ngày một lớn mạnh hơn.

+ Tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các chi nhánh; khai thác tối đa công suất các bến cảng và hiệu suất sử dụng trang thiết bị.

- Về đầu tư phát triển mở rộng:

+ Triển khai xây dựng Dự án xây dựng 02 bến cảng tại khu vực Lạch Huyện và đưa vào khai thác vào năm 2022.

+ Tìm kiếm địa điểm phù hợp để đầu tư/thuê/liên doanh, liên kết khai thác nhằm thay thế cảng Hoàng Diệu di dời, mở rộng về quy mô cơ sở hạ tầng của cảng.

+ Sử dụng mô hình tài sản tinh gọn.

- Về phát triển công nghệ thông tin: Tập trung đầu tư, phát triển hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến nhằm phát triển thành một cảng biển điện tử có quy mô tại khu vực, đưa công nghệ thông tin trở thành hoạt động xương sống trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và khai thác cảng, tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Về cơ cấu tổ chức và quản trị doanh nghiệp:

+ Thực hiện có hiệu quả công tác di dời Cảng Hoàng Diệu, ổn định SXKD, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

+ Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của cảng.

+ Đổi mới, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động theo hướng tinh gọn, linh hoạt, chuyên nghiệp hóa, tăng phân cấp, phân quyền và thích nghi với sự thay đổi.

+ Phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu, xây dựng chế độ đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân người tài.

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng, đưa khách hàng là trung tâm trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Về quản trị và kiểm soát rủi ro: Kiểm soát tốt rủi ro trong quá trình hoạt động nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra và ảnh hưởng của các nguy cơ rủi ro. Tiến tới xây dựng mô hình 3 tầng phòng vệ để kiểm soát rủi ro cho doanh nghiệp.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Cảng Hải Phòng:** Cam kết áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001. Tuân thủ các quy định về môi trường theo luật định, sử dụng tiết kiệm trong sản xuất (điện, nước, nguyên nhiên vật liệu, ...)

5. Các rủi ro

* Yếu tố thị trường:

- Do tác động ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã có những tác động đến sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tại thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, quan hệ thương mại căng thẳng giữa Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đã làm ảnh hưởng đến sản lượng xuất nhập khẩu hàng điện tử, công nghệ của Việt Nam do các doanh nghiệp Hàn Quốc sản xuất tại Việt Nam (chiếm tỷ trọng rất lớn hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam).

- Việt Nam ký kết hiệp định thương mại trực tiếp với EU nên sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua khu vực này có xu hướng tăng nhẹ hàng nông sản từ châu Âu vào Việt Nam, tuy nhiên việc thắt chặt kiểm soát nguồn gốc xuất xứ hàng hóa xuất đi Châu Âu và đặc biệt là Mỹ cũng ảnh hưởng lớn đến sản lượng hàng hóa xuất khẩu; Trung Quốc cấm nhập khẩu

tiểu ngạch cho phép nhập khẩu chính ngạch không thông quan qua Việt Nam nên đã làm ảnh hưởng đến mặt hàng tạm nhập tái xuất, đặc biệt mặt hàng container lạnh.

- Các cảng đang khai thác hàng container trong khu vực do bị giảm thị phần nên đã có xu hướng chuyển sang khai thác thêm hàng ngoài container, mặt khác với xu hướng vận tải container hóa đã làm cho lượng hàng ngoài container qua các Cảng tổng hợp đang có xu hướng sụt giảm mạnh, cung lớn hơn cầu, cạnh tranh khốc liệt giữa các cảng đã đẩy giá cước dịch vụ xếp dỡ xuống thấp nhất, Cảng Hải Phòng chịu cạnh tranh theo giá thị trường khi đó doanh thu không tương đồng với sản lượng.

* Yếu tố chính sách kinh tế:

- Sản lượng thép sản xuất Trung Quốc dư thừa xuất khẩu, tuy nhiên Nhà nước tiếp tục bảo trợ cho ngành sản xuất thép trong nước nên hạn chế nhập khẩu mặt hàng này (riêng Trung Quốc chiếm trên 47% tổng SL nhập khẩu) làm giảm sản lượng hàng sắt thép nhập khẩu. Thép nội địa (Fomosa, Hòa Phát..) sản lượng đã tăng cao nhưng cước xếp dỡ thấp nên ảnh hưởng tới doanh thu khai thác Cảng.

- Mặc dù Thành phố Hải Phòng đã giảm 20% phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực các cửa khẩu Cảng biển nhưng chi phí này vẫn cao (khoảng 16.000 đ/tấn) nên rất nhiều chủ hàng đã đưa tàu ra ngoài khu vực Quảng Ninh chuyên tải xuống sà lan đi vào các cảng nhỏ.

- Tình trạng luồng Hàng hải Hải Phòng liên tục bị sa bồi từ -7 m giảm xuống -6,3 m đã làm ảnh hưởng lớn đến việc khai thác cũng như sản lượng hàng hóa thông qua cảng. Các tàu phải giảm sản lượng hoặc đợi thủy triều để ra/vào cảng dẫn đến tình trạng ách tắc cục bộ trong việc sắp xếp cầu bến cho các tàu vào những ngày cao điểm.

- Nhà nước đã gỡ bỏ một số quy định tại Nghị định 116/2017/NĐ - CP về Điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô đã tác động đến sản lượng nhập khẩu nên lượng ô tô nhập khẩu qua khu vực Hải Phòng tăng cao so với năm 2018.

- Thông tư 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ GTVT quy định về biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao, neo dịch vụ bốc xếp container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2019 đã tác động đến tình hình SXKD trong khu vực.

- Thành phố Hải Phòng dự kiến xây Cầu Nguyễn Trãi vào năm 2021, Cảng Hoàng Diệu quy mô bị thu hẹp, sản lượng sẽ sụt giảm. Trong quá trình thực hiện đề án di dời Cảng Hoàng Diệu và chuyển đổi công năng chi nhánh cảng Chùa Vẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng ngưng trệ, xáo trộn đến tổ chức khai thác tại Hoàng Diệu và Chùa Vẽ và mất thế mạnh của cảng khai thác tàu cỡ lớn hàng ngoài container.

- Phương án xử lý tài sản cầu 4,5 chi nhánh Cảng Chùa Vẽ chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ tạo áp lực về tài chính và sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Khó khăn

Trong năm 2019 ngoài những yếu tố chung tác động đến thị trường trong khu vực nêu trên, Cảng Hải Phòng còn chịu một số tác động làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng, cụ thể:

- Các cảng đang khai thác hàng container trong khu vực do bị giảm thị phần nên đã có xu hướng chuyển sang khai thác thêm hàng ngoài container, mặt khác với xu hướng vận tải container hóa đã làm cho lượng hàng ngoài container qua các Cảng tổng hợp đang có xu hướng sụt giảm mạnh, cung lớn hơn cầu, cạnh tranh khốc liệt giữa các cảng đã đẩy giá cước dịch vụ xếp dỡ xuống thấp nhất, Cảng Hải Phòng chịu cạnh tranh theo giá thị trường khi đó doanh thu không tương đồng với sản lượng.

- Thực hiện Thông tư 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ GTVT từ 01/01/2019, tuy giá shipperside tăng nhưng do cạnh tranh mạnh giữa các cảng nên Cảng phải có nhiều chính sách ưu đãi để ổn định gắn kết khách hàng.

- Một số hãng tàu yêu cầu đấu thầu với mục đích giảm giá, gây áp lực với doanh nghiệp.

- Sự phát triển của các depot vệ tinh và các cảng trong khu vực như Cảng VIP Green, Cảng Nam Đình Vũ, Cảng quốc tế Lạch Huyện dẫn đến thị phần khai thác hàng container bị chia sẻ gay gắt.

- Luồng chưa được nạo vét kịp thời ảnh hưởng đến việc khai thác của cảng và ảnh hưởng đến việc đàm phán, thu hút khách hàng.

1.2. Thuận lợi

Chính phủ đã điều chỉnh Thông tư 116 trong đó loại bỏ bớt các điều kiện thông quan đối với xe nhập khẩu ngay từ đầu năm 2019, lượng xe nhập khẩu trong năm tăng mạnh so với năm 2018 (tăng 1,89 lần).

- Ban lãnh đạo Cảng Hải Phòng đã chỉ đạo quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của công ty, với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, triển khai hiệu quả các giải pháp đáp ứng yêu cầu của khách hàng đặc biệt là các giải pháp trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Vì vậy, Cảng Hải Phòng đã giữ vững được thị phần, ổn định khách hàng hiện có và thu hút thêm các khách hàng mới.

- Các đơn vị, chi nhánh trực thuộc đã được giao quyền chủ động trong công tác thị trường, tổ chức sản xuất và đã phát hết huy được tối đa nội lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Từ đầu năm 2019, Cảng Hải Phòng tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, đổi mới công tác quản trị. Trước những khó khăn diễn biến phức tạp của thị trường và sự cạnh tranh khốc liệt từ các cảng lân cận, Cảng Hải Phòng đã thực hiện nhiều giải pháp tích cực trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt chú trọng tới công tác thị trường và cam kết đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, Cảng Hải Phòng hiện tại đã có tạo được uy tín, niềm tin và có được sự gắn kết của nhiều khách hàng lớn, truyền thống.

- Tình hình trật tự trị an được giữ vững, thu nhập người lao động tương đối ổn định. Tập thể lãnh đạo cảng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên quyết tâm cao, phấn đấu vượt qua mọi thử thách để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Ông Cao Trung Ngoan

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2019: Quyền Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/02/2020)

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 01/01/1960

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Thái Thủy, Thái Thụy, Thái Bình.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Kinh tế vận tải biển; Cử nhân Nga văn; Chứng chỉ C Anh văn.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
11/1981 ÷ 06/2001	Cảng Hải Phòng – Cán bộ nghiệp vụ
06/2001 ÷ 01/2003	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Đình Vũ
01/2003 ÷ 02/2006	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Bạch Đằng
02/2006 ÷ 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Lao động tiền lương
02/2007 ÷ 11/2008	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Hành chính quản trị
11/2008 ÷ 04/2011	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Khai thác
04/2011 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2014 ÷ 06/2018	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
07/2018 ÷ 08/2018	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
09/2018	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Từ 10/2018 đến nay	Cảng Hải Phòng - Quyền Tổng Giám đốc

- Chức vụ tại thời điểm 31/12/2019: Quyền Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng (thôi giữ chức vụ từ 25/3/2019);
- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 0,004% vốn điều lệ
- Thu nhập bình quân của Quyền Tổng Giám đốc năm 2019 là 103,8 triệu đồng/tháng.

2.1.2 Ông Nguyễn Tường Anh

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2019: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại thời điểm lập Báo cáo: Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 07/04/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Ngày vào Đảng: 07/12/2002 Ngày chính thức: 07/12/2003
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
06/1994 ÷ 09/1995	Cảng Hải Phòng - Cán bộ chỉ đạo Xí nghiệp Containe
10/1995 ÷ 06/2001	Chi nhánh Công ty vận tải và thuê tàu (Vietfracht) Hải Phòng -

	Nhân viên phụ trách chứng từ Phòng đại lý Hãng tàu Mitsui OSK Lines
07/2001 ÷ 09/2002	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kinh doanh
10/2002 ÷ 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Phòng Đại lý và Môi giới hàng hải
02/2007 ÷ 06/2010	Cảng Hải Phòng - Phó giám đốc XNXD Chùa Vẽ
07/2010 ÷ 03/2012	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Kinh doanh
04/2012 ÷ 03/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kinh doanh
04/2015 ÷ 06/2016	Cảng Hải Phòng - Giám đốc Chi nhánh Cảng Tân Vũ
07/2016 ÷ 06/2019	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2019 ÷ 12/2019	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ tại thời điểm 31/12/2019: Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải container Đông đô Cảng Hải Phòng, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần HPH Logisitcs
- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019:
+ Trực tiếp sở hữu: 0,001% vốn điều lệ.
+ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ủy quyền đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Cảng Hải Phòng: 18% vốn điều lệ.

2.1.3 Bà Trần Thị Thanh Hải

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 27/12/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Bình Minh, Huyện Nam Trực, Nam Định
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1993 ÷ 01/1998	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Nhân viên kế toán Ban Tài chính kế toán
02/1996 ÷ 06/1999	Cảng Hải Phòng - Kiểm toán viên Phòng Kiểm toán nội bộ
07/1999 ÷ 04/2002	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Phó Trưởng Ban Tài chính kế toán
05/2002 ÷ 12/2002	Cảng Hải Phòng - XN sửa chữa cơ khí - Trưởng Ban Tài chính kế toán
04/2004 ÷ 11/2013	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng TCKT
12/2013 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng tài chính kế toán, Thành viên Hội đồng thành viên,
07/2014 ÷ 06/2018	Cảng Hải Phòng - Kế toán trưởng Thành viên Hội đồng quản trị
07/2018 đến nay	Cảng Hải Phòng - Kế toán trưởng

- Chức vụ tại thời điểm 31/12/2019: Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng.

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 0,004% vốn điều lệ

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

2.2.1 Ông Phạm Hồng Minh

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2019: Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ tại thời điểm lập Báo cáo: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 23/09/1975

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Tự Tân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Kỹ thuật, Kỹ sư Công trình thủy, Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
11/1997 ÷ 09/2001	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Công trình
09/2001 ÷ 12/2010	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công trình
12/2010 ÷ 09/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công trình
09/2015 ÷ 06/2019	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2019 đến nay	Cảng Hải Phòng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
11/2019 đến nay	Cảng Hải Phòng - Phó Bí thư Đảng ủy Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng (thôi giữ chức vụ từ ngày 30/6/2019)

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019:

+ Trực tiếp sở hữu: 0,003% vốn điều lệ.

+ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ủy quyền đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Cảng Hải Phòng: 20,57% vốn điều lệ.

- Thôi tham gia hoạt động của Ban điều hành Cảng Hải Phòng từ ngày 01/7/2019

2.2.2 Ông Phan Tuấn Linh

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2019: Phó Tổng Giám đốc (chuyển công tác từ tháng 07/2019)

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 28/12/1975

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Đức Yên, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1996 ÷ 11/1999	Công ty Trafedil Hải Phòng - Cán bộ kỹ thuật
11/1999 ÷ 08/2000	XNXD & Vận tải thủy Cảng Hải Phòng - Cán bộ kỹ thuật
08/2000 ÷ 05/2004	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư
05/2004 ÷ 12/2004	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Đầu tư và đổi mới công nghệ
12/2004 ÷ 02/2007	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Kỹ thuật công nghệ
02/2007 ÷ 07/2008	Cảng Hải Phòng - Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
07/2008 ÷ 04/2012	Cảng Hải Phòng - Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
04/2012 ÷ 06/2013	Cảng Hải Phòng - Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
06/2013 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
07/2014 ÷ 09/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
09/2015 ÷ 06/2019	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2019 đến nay	Chuyên công tác

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (thời giữ chức vụ từ tháng 7/2019), Tổng Giám đốc/thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (từ ngày 29/6/2019).

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: dưới 0,001% vốn điều lệ.

- Thôi tham gia hoạt động của Ban điều hành từ 01/7/2019 do chuyển công tác.

2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số lao động bình quân của Cảng Hải Phòng và các công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu trong năm 2019 là: 2.624 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư

Cảng Hải Phòng tập trung hoàn thiện các dự án đã triển khai thực hiện từ năm 2018 để đáp ứng yêu cầu kịp thời phục vụ sản xuất và một số công việc trọng điểm đầu tư trong năm 2019. Khối lượng giải ngân các dự án đầu tư chuyển tiếp sang năm 2019 là 9,767 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Dự án đầu tư	Kế hoạch Năm 2019	Ước thực hiện Năm 2019	Ước thực hiện / Kế hoạch năm 2019 (%)
- Đầu tư cơ sở hạ tầng	57,271	6,460	11,28
- Đầu tư mua sắm thiết bị	52,336	2,184	4,17
- Công nghệ thông tin	89,377	1,123	1,26
- Các dự án đầu tư mở rộng	156,650		
Tổng cộng	355,634	9,767	2,75

Năm 2019, bên cạnh việc hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, Cảng Hải Phòng tập trung triển khai thực hiện các dự án mới sau khi kế hoạch đầu tư năm 2019 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 26/6/2019. Do ĐHĐCĐ năm 2019 tổ chức muộn hơn mọi năm nên một số dự án dự kiến thực hiện và giải ngân trong năm 2019 được chuyển tiếp sang năm 2020. Ngoài ra, do sự biến động về thị trường, nhu cầu khai thác tại Cảng Hải Phòng và để tập trung nguồn vốn đầu tư tại Cảng Lạch Huyện nên một số dự án được giãn tiến độ đầu tư hoặc dừng đầu tư. Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư, thực hiện tăng tài sản cố định là 33,36 tỷ đồng.

Về các dự án đầu tư mở rộng: sau khi Thủ tướng Chính phủ ký quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư bến container số 3,4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng vào ngày 09/10/2019, Cảng Hải Phòng đã tập trung triển khai các thủ tục pháp lý để có thể triển khai dự án vào cuối năm 2020.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Kết quả sản xuất kinh doanh (các chỉ tiêu chính) của các công ty con, công ty liên kết được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo thường niên.

4. Tình hình tài chính

(Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và 03 công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu)

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ 2019/2018 (%)
Tổng giá trị tài sản	5.047.584.475.209	5.254.567.179.725	104,10%
Doanh thu thuần	1.400.925.000.527	1.539.808.883.780	109,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	293.509.605.713	395.057.546.949	134,60%
Lợi nhuận khác	71.588.929.367	1.587.120.375	2,22%
Lợi nhuận trước thuế	365.098.535.080	396.644.667.324	108,64%
Lợi nhuận sau thuế	310.296.908.471	329.200.024.300	106,09%

4.2 Hiệu quả sử dụng vốn

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
Vốn chủ sở hữu	3.748.771.092.577	3.971.821.862.422
Tổng tài sản	5.047.584.475.209	5.254.567.179.725
Lợi nhuận sau thuế	310.296.908.471	329.200.024.300
Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	8,28%	8,29%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	6,15%	6,27%

4.3. Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,69	3,27
	Hệ số thanh toán nhanh	2,63	3,20
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,26	0,24
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,35	0,32
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	22,15%	21,38%
	Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	8,28%	8,29%
	Hệ số LNST/ Tổng tài sản	6,15%	6,27%
4	Mức độ bảo toàn vốn	1,08	1,12

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Tại thời điểm 26/12/2019 khi Cảng Hải Phòng chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức bổ sung năm 2018)

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 326.960.000 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 325.609.600 cổ phần
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.350.400 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Trong nước	Cá nhân	15.839.470	4,84%
		Tổ chức	311.017.500	95,12%
2	Nước ngoài	Cá nhân	65.830	0,02
		Tổ chức	37.200	0,01
3	Tỷ lệ sở hữu	Lớn	302.641.377	92,56%
		Nhỏ	24.318.623	7,44

* Danh sách cổ đông nước ngoài

STT	QUỐC TỊCH	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	SL CỔ PHẦN	CN/TC
1	France	ALEXANDRE ROBERT IDARECI			CN
2	Taiwan	CHEN YI CHENG			CN
3	Taiwan	CHENG LIANG YU			CN
4	Taiwan	CHENG, HSIN - HSI			CN
5	Netherlands	Denrick Ryan Simmons			CN

6	Taiwan	HSIAO CHUNG TING			CN
7	Taiwan	HSU PO TSUN			CN
8	Taiwan	HSUEH, PO - JEN			CN
9	Taiwan	HUANG CHUN HSIAO			CN
10	Taiwan	HUANG, TZU - YU			CN
11	Japan	KATO TAKANORI			CN
12	Republic of Korea	KIM HYUNOH			CN
13	Japan	KOIKE KAZUMASA			CN
14	Taiwan	LEE, YI - HSUAN			CN
15	China	Li Minghua			CN
16	Taiwan	LI, MING - LUN			CN
17	Taiwan	LIN, EN - YU			CN
18	Taiwan	LIN, HSIEH - KUN			CN
19	China	LIU HOUDONG			CN
20	Taiwan	LIU, RUI - HONG			CN
21	Taiwan	LIU, YUN - CHUAN			CN
22	Canada	NELSON SERGE RAND			CN
23	Taiwan	PANG CHIA LI			CN
24	Thailand	PICHA AMMATMANEE			CN
25	Republic of Korea	SEO MIN WOO			CN
26	Taiwan	TSAO, WEI - CHE			CN
27	Taiwan	TZENG, WEN - YU			CN
28	Taiwan	YANG, SUE - HWA			CN
29	Taiwan	YANG, TIEN - AN			CN
30	Japan	Yozo Munakata			CN
31	Japan	AIZAWA SECURITIES CO.,LTD			TC
32	Thailand	FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED			TC
33	Thailand	KT ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED			TC
34	Republic of Korea	SHINHAN INVESTMENT CORP.			TC
	Tổng				

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tiêu thụ năng lượng

- Điện: 17.837.073 kw (tổng chi phí là 33.808.751.069 đồng).
- Dầu diesel: 1.771.795 lít (tổng chi phí là 25.871.929.657 đồng).
- Xăng: 81.907 lít (tổng chi phí là 1.401.837.457 đồng).
- Dầu nhờn: 67.829 lít (tổng chi phí là 4.507.697.623 đồng).

Trong năm 2019, Cảng Hải Phòng không đầu tư thêm thiết bị, đồng thời công tác tiết kiệm, chống lãng phí được Ban lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm và giám sát chặt chẽ đảm bảo tiết kiệm và duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6.2. Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và chi phí:

- Nguồn cung cấp nước: CTCP Cấp nước Hải Phòng
- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2019: 94.793 lít
- Tổng chi phí cho lượng nước sử dụng trong năm 2019: 1.867.783.400 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

(Lượng nước trên được sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất kinh doanh)

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

Không có

b) Tổng số tiền do xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

6.4.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động bình quân năm 2019 của Cảng Hải Phòng và các công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu là 2.624 người.

- Tiền lương bình quân của người lao động đạt 15,96 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền lương của người quản lý, người điều hành công ty (áp dụng cho các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành): 7.018 triệu đồng

6.4.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện các quy định về An toàn lao động, quy trình công nghệ xếp dỡ, thực hiện đầy đủ công tác trang bị bảo hộ lao động đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định, tạo điều kiện làm việc hợp lý và hiệu quả cho người lao động.

- Bố trí và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật, toàn bộ lao động được Cảng Hải Phòng ký hợp đồng lao động, đảm bảo các chế độ, quyền lợi theo quy định: bảo

hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định, được thực hiện đầy đủ chế độ liên quan về bảo hiểm như: phép, ốm đau, thai sản, tử tuất, tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động, nâng cao nhận thức cho người lao động để người lao động có ý thức tự bảo vệ mình, phòng tránh tai nạn lao động.

6.4.3. Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2019, Cảng Hải Phòng tiến hành tổ chức 67 lớp đào tạo trong nước và 01 lớp đào tạo ở nước ngoài cho 845 cán bộ công nhân viên toàn công ty, nhằm bồi dưỡng kiến thức, huấn luyện, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ; rà soát và tổ chức các khóa đào tạo lại, đào tạo bổ sung tay nghề, chuyển đổi nghề cho người lao động.

Công tác đào tạo tập trung vào các nhóm lĩnh vực thiết yếu, hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với cấp độ và đối tượng đào tạo trải dài từ đội ngũ quản lý đến nhân viên trực tiếp.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là một trong những doanh nghiệp lớn của thành phố, Cảng Hải Phòng luôn đề cao tinh thần cộng đồng, trách nhiệm xã hội. Hưởng ứng các hoạt động cộng đồng địa phương, Cảng Hải Phòng đã thể hiện sự chung tay góp sức trong các hoạt động xã hội của thành phố thông qua nhiều hình thức trực tiếp, gián tiếp. Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp cảng biển, Cảng Hải Phòng luôn dành một sự quan tâm đặc biệt trong chính sách và tài chính đối với công tác bảo vệ môi trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Thị trường hàng hóa khu vực Hải Phòng

Sản lượng thông qua cảng bằng tàu biển của khu vực Hải Phòng năm 2019 đạt 71,156 triệu tấn, giảm 1% so với năm 2018 (72,028 triệu tấn). Trong đó hàng container đạt 4,923 triệu teus, tăng 1% so với năm 2018 (4,885 triệu teus), mức tăng trưởng chủ yếu do sản lượng container xuất nhập khẩu tăng trên 10%, riêng container nội địa giảm mạnh trên 15% so với năm 2018 và tổng sản lượng hàng ngoài container (trừ hàng lỏng) của khu vực Hải Phòng năm 2019 giảm 8% so với năm 2018.

Thị phần sản lượng hàng hóa hợp nhất thông qua Cảng Hải Phòng trong năm 2019 (bao gồm cả sản lượng của Cảng Đình Vũ) so với khu vực Hải Phòng chiếm 41,6%, tăng so với năm 2018 (40,1%), riêng thị phần thông qua bằng cảng biển chiếm 48,8%; trong đó thị phần hàng container hợp nhất của Cảng Hải Phòng so với khu vực Hải Phòng chiếm 36,75% (năm 2018 chiếm 36,67%).

- Lượng hàng ngoài container qua khu vực Hải Phòng trong các năm gần đây hầu như không tăng trưởng, thậm chí có xu hướng sụt giảm mạnh, năm 2019 (hàng khô) sụt giảm khoảng 8,5%. Bên cạnh đó, khu vực thượng lưu Đình Vũ bị sụt giảm container, các cảng đã thực hiện khai thác hàng ngoài container dẫn đến cung lớn hơn cầu, cạnh tranh khốc liệt đã đẩy giá cước dịch vụ xếp dỡ xuống thấp nhất. Giá cước các cảng lân cận giảm từ 25-40% so với biểu cước Cảng Hải Phòng, đặc biệt là mặt hàng sắt thép, sắt phế, thiết bị và gỗ cây rời, trong khi đó tại vùng nước giá cạnh tranh giảm đáy, đồng thời do chủ hàng thay đổi vùng khai thác tập trung tại Quảng Ninh, với phương thức chuyển tải về thẳng các nhà máy nên sản lượng hàng chuyển tải giảm mạnh bằng 40% năm 2018 khiến các cảng có thể mạnh trong khai thác vùng nước đặc biệt bị ảnh hưởng.

1.2. Kết quả thực hiện sản lượng, doanh thu, lợi nhuận

1.2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Cảng Hải Phòng và các công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu

(Theo chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao tại kỳ Đại hội thường niên năm 2019)

- Sản lượng thông qua: 26,918 triệu tấn đạt 104,9% kế hoạch năm (25,662 triệu tấn), tăng 12,1% so với thực hiện năm 2018 (24,01 triệu tấn), trong đó container thực hiện 1.270.700 teus đạt 103,3% kế hoạch (1.230.500 teus) và tăng 10,1% so với thực hiện năm 2018 (1.153.700 teus)

- Doanh thu: 1.694,030 tỷ đồng đạt 100,6% kế hoạch năm 2019 (1.684 tỷ đồng), tăng 3,9% so với thực hiện năm 2018 (1.631,286 tỷ đồng). Trong đó doanh thu khai thác 1.539,809 tỷ đồng tăng 9,9% so với thực hiện năm 2018 (1.400,925 tỷ đồng)

- Lợi nhuận trước thuế: 396,644 tỷ đồng, đạt 108,7% kế hoạch (365 tỷ đồng), tăng 8,6% so với thực hiện năm 2018 (365,098 tỷ đồng). Trong đó lợi nhuận khai thác đạt 293,461 tỷ đồng, tăng 56,3% so với thực hiện năm 2018 (187,699 tỷ đồng).

1.2.2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty mẹ)

- Sản lượng thông qua: 20,917 triệu tấn đạt 106,4% kế hoạch năm (19,662 triệu tấn), tăng 12,8% so với thực hiện năm 2018 (18,547 triệu tấn), trong đó container thực hiện 1.270.700 teus đạt 103,3% kế hoạch (1.230.500 teus) và tăng 10,1% so với thực hiện năm 2018 (1.153.700 teus)

- Doanh thu: 1.335,294 tỷ đồng đạt 102,5% kế hoạch năm 2019 (1.303,185 tỷ đồng), tăng 5,4% so với thực hiện năm 2018 (1.267,086 tỷ đồng). Trong đó doanh thu khai thác 1.169,372 tỷ đồng, tăng 8,7% so với thực hiện năm 2018 (1.075,403 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: 387,901 tỷ đồng, đạt 115,6% kế hoạch (335,408 tỷ đồng), tăng 9,5% so với thực hiện năm 2018 (354,355 tỷ đồng). Trong đó lợi nhuận khai thác đạt 273,169 tỷ đồng, tăng 26,6% so với thực hiện năm 2018 (215,747 tỷ đồng).

1.3. Thực hiện các công việc trọng tâm khác

1.3.1. Công tác kinh doanh khai thác

*** Công tác kinh doanh**

- Tập trung công tác thị trường, xây dựng các giải pháp và tổ chức thực hiện mục tiêu hàng đầu trong hoạt động SXKD là thị trường, đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng

- Thường xuyên nắm bắt thông tin thị phần hàng hóa trong khu vực và quan tâm, chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Ký kết xong hợp đồng với các hãng tàu, đại lý và chủ hàng năm 2019.

- Tiếp cận và đưa thêm 03 service của hãng Zim, Hyundai và Sinokor về Chi nhánh Cảng Tân Vũ; Phối hợp với VIMC trong khai thác, đưa hàng của các hãng tàu ngoại vận chuyển qua VIMC và làm hàng tại Cảng Tân Vũ; Làm việc với các hãng tàu GLS và VSICO để đưa service về khai thác tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ; Ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ logistics với Công ty Bắc Kỳ; Làm việc với Công ty Vship Bắc Ninh để phối hợp đưa hàng về Cảng Hải Phòng.

- Bàn giao bãi cho He Chun và tiếp tục phối hợp với HPH, He chun nâng cao hiệu quả khai thác Depot; Ký kết hợp đồng thực hiện với SITC Đình Vũ về việc cho thuê kho CFS tại

Chi nhánh Cảng Tân Vũ.

- Thường xuyên thực hiện công tác rà soát giá thành để xây dựng chính sách tiếp thị phù hợp sát với thực tế nhằm cạnh tranh trực tiếp với tất cả các cảng trong khu vực.
- Ban hành giá thành kế hoạch năm 2020 và Biểu cước năm 2020 để chuẩn bị cho việc ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện.
- Thực hiện các giải pháp mở rộng chính sách khách hàng để thu hút các dịch vụ đầu trong cho cả ba khu vực cảng Hoàng Diệu, Chùa Vẽ, Tân Vũ.
- Tổ chức thành công Hội nghị khách hàng container và ngoài container của công ty.

* Công tác khai thác

- Phối hợp với các chi nhánh thực hiện công tác kế hoạch tàu tuần, kế hoạch tàu ra vào cảng và tàu lai phục vụ hàng ngày; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Cảng vụ, Hoa tiêu và Đại lý, hãng tàu để thực hiện điều chỉnh lịch tàu ra vào hợp lý.
- Phối hợp với hãng tàu Maersk đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao năng suất xếp dỡ tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ. Hiện tại đã áp dụng khai thác đối với hãng tàu Maersk và Wanhai, bước đầu đáp ứng được yêu cầu của các hãng tàu với năng suất xếp dỡ ổn định 60 move/h.
- Thực hiện rà soát và xây dựng các phương án nhằm nâng cao năng lực khai thác tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ.
- Thực hiện việc kết nối eDO với hãng tàu Maersk.
- Thực hiện việc giám định, sửa chữa container cho các hãng tàu.
- Thành lập tổ chăm sóc khách hàng 24/7 để kịp thời tiếp nhận và xử lý đáp ứng yêu cầu của chủ, khách hàng.
- Thực hiện quy hoạch bãi và phối hợp với các hãng tàu, các bãi Depot vệ tinh tổ chức khai thác có hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động, thực hiện giải phóng tàu đúng kế hoạch.

* Công tác thu hồi nợ, pháp chế

- Tiếp tục phối hợp với Hải quan xử lý hàng tồn đọng tại cảng. Tiếp tục đôn đốc các hãng tàu và khách hàng về thanh toán nợ. Thực hiện nghiêm qui trình luân chuyển chứng từ, hóa đơn.
- Thực hiện tốt công tác pháp chế hàng hóa và hàng hải, giải quyết xử lý kịp thời các vụ việc tranh chấp, bồi thường.

1.3.2. Công tác tổ chức, đào tạo

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Cảng Hải Phòng giai đoạn tiếp theo, thực hiện tái cơ cấu đối với các chi nhánh. Thành lập Trung tâm sửa chữa từ 01/07/2019. Xây dựng mô hình Trung tâm dịch vụ xếp dỡ. Thực hiện phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ và Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu. Triển khai sắp xếp lại mô hình tổ chức Đội giao nhận tổng hợp Chi nhánh Cảng Tân Vũ.
- Rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động, nghiên cứu việc sử dụng lao động, qui trình sản xuất để bố trí lao động cho hiệu quả.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo năm 2019, thực hiện thủ tục cho các lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và các lớp nâng bậc nghề cho người lao động. Giải quyết các thủ tục cho người lao động hưởng chế độ kịp thời, đảm bảo đúng qui định.

- Phối hợp với Công ty tư vấn Macconsult chuẩn hóa chức danh và hoàn thiện hệ thống bản mô tả công việc theo các chức danh khối gián tiếp phục vụ. Triển khai xây dựng và thực hiện hệ thống KPI - đánh giá thực hiện công việc tại công ty.

- Thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi các Quy chế quản lý. Tham mưu, soạn thảo trình lãnh đạo các Quyết định thành lập, kiện toàn nhân sự các Hội đồng, Tổ công tác. Đề xuất trang bị bảo hộ lao động và cấp phát tại các chi nhánh, văn phòng công ty phục vụ sản xuất. Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

1.3.3. Công tác kỹ thuật, an toàn và thực hành tiết kiệm

- Công tác chuyên môn kỹ thuật, thực hành tiết kiệm được đổi mới và được quan tâm, đôn đốc thực hiện nghiêm túc. Xây dựng, triển khai áp dụng quy định về quản lý, sử dụng phương tiện thiết bị, công cụ xếp dỡ. Làm tốt công tác quản lý về điện thoại, văn phòng phẩm, sử dụng điện, nước, công tác phí...

- Công tác an toàn lao động được quan tâm và chú trọng. Ngay từ đầu năm đã triển khai các mặt công tác huấn luyện về BHLĐ, PCCC, trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, kiểm tra việc chấp hành nội quy lao động, tổng vệ sinh trong toàn công ty. Cải thiện điều kiện sinh hoạt như nước uống, nước tắm phục vụ công nhân. Thực hiện tốt chế độ chính sách về bảo hiểm lao động.

- Công tác phòng chống bão lụt được quan tâm và nghiêm túc triển khai thực hiện. Cảng đã kiện toàn ban chỉ huy phòng chống bão lụt của cảng. Phân công cụ thể và xây dựng phương án chi tiết phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn.

1.3.4. Công tác truyền thông

Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống công nhân Cảng Hải Phòng (24/11/1929-24/11/2019), Ngày thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên tại Cảng Hải Phòng (28/11/1929-28/11/2019) cùng các hoạt động tuyên truyền về sự kiện

1.3.5. Công tác khác

- Hoàn thành việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông của công ty.

- Tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành đối với các chi nhánh, công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu, đảm bảo tiết kiệm chi phí, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng phương án đề nghị xử lý đối với các khoản vay ODA đầu tư Cảng Chùa Vẽ do giảm hiệu quả khai thác cảng khi phải dồn dịch, bố trí lại hệ thống trang thiết bị để có thể xếp dỡ hàng tổng hợp và xây dựng bổ sung phương án thuê khai thác cầu cảng số 4,5 theo Nghị định 21/2012/NĐ-CP. Bộ GTVT đang làm việc với Bộ Tài chính về phương án cho thuê, trình Thủ tướng phê duyệt.

- Lực lượng bảo vệ của Cảng Hải Phòng đã kết hợp tốt với các cơ quan chức năng, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự trị an, an toàn các mục tiêu tàu, hàng hóa trọng điểm và duy trì trật tự giao thông tại các khu vực trong toàn cảng.

- Tăng cường kiểm tra công tác PCCC, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ công tác PCCC. Triển khai kế hoạch tập huấn cán bộ tự vệ toàn Ban chỉ huy Quân sự Cảng.

- Xây dựng bảng Mục tiêu chất lượng, môi trường công ty trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Rà soát tổng thể các tài liệu mục tiêu chất lượng, môi trường toàn công ty theo quy định.

2. Tình hình tài chính

(Số liệu tổng hợp của Cảng Hải Phòng và các công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng là chủ sở hữu)

2.1. Cơ cấu tài sản tại thời điểm 31/12/2019

STT	Cơ cấu tài sản	Năm 2019
1	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	37,40%
2	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	62,60%

2.2. Khả năng thanh toán ngắn tại thời điểm 31/12/2019

STT	Khả năng thanh toán	Năm 2019
1	- Khả năng thanh toán nhanh	3,20
202	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	3,27

2.3 Cơ cấu nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2019

STT	Nội dung	31/12/2019
I	Tài sản ngắn hạn	1.965.018.877.360
II	Tài sản dài hạn	3.289.548.302.365
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.254.567.179.725
IV	Nợ phải trả	1.282.745.317.303
V	Vốn chủ sở hữu	3.971.821.862.422
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.254.567.179.725

2.4. Các chỉ tiêu tài chính khác thời điểm 31/12/2019

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	24,41%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	75,59%
2	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,27%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,38%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	8,29%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thành lập Trung tâm sửa chữa để tập trung nhân lực thợ kỹ thuật tại các Chi nhánh của công ty, khắc phục tình trạng thừa thiếu lao động cục bộ; thống nhất, thuận tiện trong quản lý, điều hành công tác bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện; tiến tới có thể cung cấp dịch vụ kỹ thuật các loại cho khu vực và các cảng lân cận

- Phối hợp với Công ty tư vấn Macconsult chuẩn hóa chức danh và hoàn thiện hệ thống bản mô tả công việc theo các chức danh khối gián tiếp phục vụ. Triển khai xây dựng và thực hiện hệ thống KPI - đánh giá thực hiện công việc tại công ty.

- Thực hiện việc kết nối eDO với hãng tàu.

- Thành lập tổ chăm sóc khách hàng 24/7 để kịp thời tiếp nhận và xử lý đáp ứng yêu cầu của chủ, khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục giữ ổn định khách hàng truyền thống hiện có

- Thu hút thêm các service dự kiến có thể tăng của một số hãng tàu hiện tại và tìm kiếm thêm khách hàng mới, tập trung vào các tuyến ngắn: Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan ...

- Đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư xây dựng, mở rộng Cảng tại khu vực Lạch Huyện

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Cảng Hải Phòng đã có văn bản giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, văn bản giải trình ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Cảng Hải Phòng đã thực hiện báo cáo, công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định pháp luật.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Cảng Hải Phòng đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường.

Đối với các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, cán bộ công nhân lao động duy trì việc đóng góp vào quỹ hoạt động xã hội nhằm hỗ trợ cho các hoạt động xã hội trong và ngoài thành phố.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Cảng Hải Phòng

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Cảng Hải Phòng

Trong năm 2019, Cảng Hải Phòng đã tập trung và triển khai một số công tác trọng tâm sau:

- Rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động, nghiên cứu việc sử dụng lao động, qui trình sản xuất để bố trí lao động cho hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi; tiết giảm chi phí.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường.

- Chú trọng quan tâm đến chất lượng lao động, tập trung công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại.

- Điều phối hài hòa tiến độ các dự án đầu tư theo mức độ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Đảm bảo được việc làm, thu nhập, quyền lợi và chính sách đối với người lao động cho người lao động. Chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công ty đại chúng.

- Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện. Tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch,....

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Hội đồng quản trị đánh giá năm 2019 là một năm có nhiều chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý của Ban điều hành công ty, đặc biệt là trong công tác thị trường, cụ thể như sau:

Một là, Ban điều hành đã tích cực nắm bắt xu thế phát triển của thị trường cũng như nhu cầu của khách hàng để có những thay đổi trong chính sách tiếp thị và quảng bá, mở rộng đối tượng khách hàng tiềm năng của công ty, nhất là trong xu thế số lượng doanh nghiệp khai thác cảng biển không ngừng gia tăng còn nguồn hàng lại không có nhiều thay đổi.

Hai là, Ban điều hành đã xây dựng những giải pháp ngắn hạn và nghiên cứu chiến lược dài hạn để chuyên nghiệp hóa phương thức khai thác tại công ty, đặc biệt tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất để nâng cao hiệu quả, năng suất lao động cũng như phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

Ba là, Ban điều hành đã tích cực, chuyên nghiệp hơn trong việc quảng bá hình ảnh công ty từ việc xây dựng lại hình ảnh trang thông tin điện tử của công ty, tổ chức các sự kiện quan trọng với nhiều hoạt động ý nghĩa.

Đối với các lĩnh vực quản lý khác, Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã cơ bản hoàn thành những nhiệm vụ và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong giai đoạn 05 năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030, trong công tác quản trị doanh nghiệp, Cảng Hải Phòng xây dựng mục tiêu và kế hoạch trên các trọng điểm sau:

- Tập trung nâng cao năng lực quản trị trên các lĩnh vực chính bao gồm: Quản trị chiến lược, tài chính, nhân lực, sản xuất và marketing.

- Tiếp tục và đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng công nghệ vào quản trị doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo để nâng cao hiệu quả trong QTDN.

Trên cơ sở định hướng phát triển giai đoạn 05 năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030, để nâng cao chất lượng công tác quản trị doanh nghiệp, Cảng Hải Phòng sẽ tập trung vào 02 khía cạnh chính của quản trị doanh nghiệp: nguồn nhân lực chất lượng cao và phương thức quản trị hiện đại, cụ thể như sau:

- Nguồn nhân lực chất lượng cao: Để hoạt động quản trị doanh nghiệp hiệu quả và tiên tiến, yếu tố nhân lực không chỉ dừng ở đội ngũ quản lý cấp cao mà ngay từ người nhân viên của mỗi phòng ban cũng cần có sự thay đổi về tư duy và hành động.

- Phương thức quản trị hiện đại: Cảng Hải Phòng tập trung vào hai yếu tố đó là: nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị.

Để triển khai các nội dung trên, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng trong thời gian tới sẽ tập trung vào các giải pháp cơ bản sau:

- Một là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để thích ứng kịp với xu thế phát triển của xã hội và tăng tính cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Hai là, chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ trong quản trị doanh nghiệp. Quản trị doanh nghiệp thời kỳ công nghệ số được ứng dụng tất cả các lĩnh vực hoạt động của công ty. Công nghệ cho phép các nhân viên trong công ty có thể liên lạc, trao đổi và làm việc với nhau dễ dàng hơn. Tạo ra môi trường làm việc công nghệ, hiện đại và thuận lợi hơn.

- Ba là, chỉ đạo và giám sát việc áp dụng, khai thác triệt để công cụ quản trị BSC và KPIs. Bộ công cụ này đã được Cảng Hải Phòng xây dựng và bước đầu triển khai trong năm 2020. Giai đoạn 2021-2016, sẽ là giai đoạn triển khai triệt để và toàn diện bộ công cụ này tại Cảng Hải Phòng.

- Bốn là, chỉ đạo việc xây dựng khung Quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh.

- Năm là, tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tập trung lãnh đạo đổi mới trong công tác quản trị, điều hành sản xuất, sắp xếp bộ máy cơ cấu tổ chức hợp lý, kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng giảm bớt phòng/ban/bộ phận/nhân sự cấp trung gian, tăng cường phân cấp, ủy quyền, tăng thẩm quyền, bố trí lại lực lượng lao động hợp lý... nhằm nâng cao sức cạnh tranh của Cảng Hải Phòng và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Sáu là, tiếp tục giám sát và bảo đảm một quá trình trao đổi và công bố thông tin đầy đủ, hiệu quả và minh bạch với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

- Bảy là, chỉ đạo rà soát các khoản đầu tư tài chính không hiệu quả để điều chỉnh và thay đổi mục tiêu đầu tư phù hợp.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ tại thời điểm 01/01/2019	Chức vụ tại thời điểm lập Báo cáo	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Ghi chú
1.	Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT	26/6/2019		Theo NQ của ĐHĐCD
2.	Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	26/6/2019		Theo NQ của ĐHĐCD

3.	Ông Lương Đình Minh		Thành viên HĐQT	26/6/2019		Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
4.	Ông Nguyễn Văn Dũng		Thành viên HĐQT			
5.	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy		Thành viên HĐQT			
6.	Ông Nguyễn Xuân Kỳ		Thành viên độc lập HĐQT			
7.	Ông Vũ Quyết Thắng		Thành viên độc lập HĐQT			
8.	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT		27/06/2014	26/6/2019	Hết nhiệm kỳ
9.	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên HĐQT		29/6/2018	26/6/2019	Hết nhiệm kỳ

* Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã PHP của các thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm 03/6/2019

(thời điểm Cảng Hải Phòng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2019)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ hiện tại	Số lượng cổ phần sở hữu			
			Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		Cá nhân	
			SL cổ phần	Tỷ lệ %	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT		27,56		0,001
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		20		0
3	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên HĐQT		25		0
4	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT		20		0
5	Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên độc lập HĐQT		0		0
6	Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên độc lập HĐQT		0		0
	Tổng			92,56		0,001

*** Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã PHP của các thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2019:**

(Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng có sự thay đổi về nhân sự so với thời điểm 03/6/2019)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ hiện tại	Số lượng cổ phần sở hữu			
			Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		Cá nhân	
			SL cổ phần	Tỷ lệ %	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT		20,56		0,003
2	Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT		18		0,001
3	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		18		0
4	Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT		18		0
5	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT		18		0
6	Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên độc lập HĐQT		0		0
7	Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên độc lập HĐQT		0		0
	Tổng			92,56		0,004

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty có một Tiểu ban giúp việc là Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng (Tiểu ban) được thành lập từ năm 2016. Trong năm 2019, do có sự thay đổi về nhân sự của Công ty nên Hội đồng quản trị đã quyết định kiện toàn nhân sự của Tiểu ban để bảo đảm tính phù hợp và hiệu quả. Trong năm 2019, Tiểu ban vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty các nội dung liên quan đến kế hoạch di dời khu bến Cảng Hoàng Diệu và Dự án đầu tư 02 bến container số 3,4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

Ngày 09/10/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã ký Quyết định số 1323/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư các bến cảng container quốc tế số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng – Cảng Hải Phòng. Trên cơ sở này, Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Hội đồng quản trị triển khai các công tác tiếp theo để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hai cầu cảng số 3, 4 tại Lạch Huyện để bảo đảm hoàn thành dự án đúng tiến độ Công ty đã đề ra.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị để thảo luận các nội dung sau:

STT	Ngày họp	Kết luận của HĐQT	Ngày ký	Nội dung
1	10/01/2019	01/NQ-CHP	11/01/2019	-Kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV/2018, cả năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I/2019 -Phương án thuê hạ tầng khai thác cảng của Công ty cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ
2	20/3/2019	19/NQ-CHP	22/3/2019	-Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông năm 2019 của Công ty -Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 -Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm do Đại hội đồng cổ đông Công ty giao trong giai đoạn 2014-2019 -Mục tiêu chiến lược, dự án đầu tư trọng tâm, trọng điểm giai đoạn 2019-2024 -Các báo cáo phục vụ Đại hội cổ đông năm 2019 -Các nội dung khác chuẩn bị công tác Đại hội cổ đông năm 2019
3	09/4/2019	24/NQ-CHP	11/4/2019	-Rà soát lại các nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 20/3/2019 -Kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2019 -Nạo vét duy tu khu nước trước bến tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ -Các Dự án công nghệ thông tin của Công ty -Thông tin thị trường và tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
4	20/6/2019	54/NQ-CHP	21/6/2019	Rà soát tài liệu sử dụng để thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty
5	26/6/2019	59/NQ-CHP	01/7/2019	Phiên họp thứ nhất của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nhiệm kỳ 2019 - 2024
6	17/7/2019	69/NQ-CHP	26/7/2019	-Kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2019 -Công tác phát triển cảng: Tiến độ triển khai Dự án đầu tư 02 bến container số 3,4 tại cảng cửa ngõ quốc

				<p>tế Hải Phòng</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nghiên cứu xây dựng tổng thể các giải pháp cơ cấu, quản trị, kinh doanh của Cảng Hải Phòng -Báo cáo phân tích tình hình thị trường theo yêu cầu của thành viên độc lập HĐQT -Kiểm điểm tình hình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT Công ty trong 06 tháng đầu năm 2019 -Thỏa thuận hợp tác giữa Cảng Hải Phòng và Cảng Quy Nhơn -Công tác cán bộ của Cảng Hải Phòng
7	20/10/2019	83/NQ-CHP	22/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> -Kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2019 -Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 -Kế hoạch chuẩn bị triển khai dự án Bến 3, 4 LH và kiện toàn Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng -Phương án tổ chức cán bộ -Về việc chuyển nhượng 2% vốn góp của CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH SITC Đình Vũ -Về nhiệm vụ tư vấn và thuê tổ chức xây dựng tổng thể các giải pháp cơ cấu, quản trị, kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, chiến lược phát triển Cảng Hải Phòng giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2050 -Việc cử cán bộ tham gia tổ công tác phục vụ Đại hội cổ đông của CTCP Vận tải container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (DHP Lines)
8	23/12/2019	95/NQ-CHP	24/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> -Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 -Rà soát, báo cáo việc thực hiện các chỉ tiêu BSC-KPI năm 2019 -Chương trình hành động 2020 của Công ty -Phương án sắp xếp lại mô hình Phòng Logistics – Cảng Hoàng Diệu

Ngoài hình thức họp trực tiếp, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng xem xét các nội dung liên quan đến hoạt động thường nhật của công ty, hoạt động quản trị công ty và các nội dung khác theo đề xuất của Quyền Tổng Giám đốc, các bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị dưới hình thức xin ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Hội đồng quản trị thường xuyên thông báo các Nghị quyết và nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ và đột xuất các kết quả đạt được cũng như các khó khăn đang gặp phải.

Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các buổi họp của Ban điều hành để nắm bắt thông tin, trao đổi trực tiếp và cùng tháo gỡ khó khăn trong hoạt động điều hành sản xuất của công ty.

Thực hiện quy định tại Điều lệ Cảng Hải Phòng, ngoài các cuộc họp tập trung, Hội đồng quản trị đã thực hiện xin ý kiến các thành viên bằng văn bản để nhanh chóng thảo luận và đưa ra các quyết định chỉ đạo đối với Ban điều hành. Các văn bản xin ý kiến và tài liệu liên quan được lưu giữ tại công ty làm cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành về quản trị công ty đại chúng

1.4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị và đã tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị từ năm 2018. Trong năm 2019, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến vào các quyết định của Hội đồng quản trị.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị có một số đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng trong năm 2019 như sau:

Về các nội dung đã thảo luận của Hội đồng quản trị: Là một hoạt động thường xuyên và cơ bản, Hội đồng quản trị xem xét đề xuất của Ban điều hành, các bộ phận giúp việc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty, các Quy chế của công ty và pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị vẫn chủ động nghiên cứu, thảo luận nhiều nội dung liên quan đến hoạt động cơ bản và định hướng phát triển của công ty.

Về việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị: Việc thông qua các nội dung cần thảo luận được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản. Việc biểu quyết thông qua các nội dung tuân thủ nguyên tắc đa số và các yêu cầu khác quy định tại Điều lệ và các Quy chế của công ty. Ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị được tổng hợp thành Biên bản, là cơ sở để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định và được lưu giữ tại bộ phận Thư ký Công ty để thuận lợi cho việc tra cứu. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông báo tới Ban kiểm soát, Ban điều hành.

Về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019: Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch này của Ban điều hành thông qua việc giao kế hoạch hàng quý. Hội đồng quản trị đã giao cho bộ phận Thư ký Công ty cập nhật tiến độ thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và các bộ phận có liên quan để có kịp thời nhắc nhở, đôn đốc, bảo đảm hiệu quả công việc.

Về hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị: Hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung và của từng thành viên Hội đồng quản trị được điều chỉnh bởi Điều lệ, các Quy chế của công ty và pháp luật hiện hành. Không có hành vi vượt quyền, lạm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn.

Về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Thu nhập của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng: Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành được quy định và giám sát thực hiện trên cơ sở các Quy chế, Quy định về quản lý tài chính, tiền lương của Cảng Hải Phòng. Nhìn chung, nội dung này là được thực hiện minh bạch và nghiêm túc.

Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành: Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc yêu cầu Ban điều hành báo cáo bằng văn bản hoặc báo cáo trực tiếp tại cuộc họp và được thực hiện toàn diện trên các hoạt động của công ty. Nhìn chung, hoạt động giám sát được thực hiện đúng thẩm quyền và hiệu quả.

Về hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ: Hội đồng quản trị có một Tiểu ban hỗ trợ là Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng. Từ khi thành lập vào năm 2016 đến nay, Tiểu ban tập trung vào hai dự án lớn là: (1) Di dời Cảng Hoàng Diệu, (2) Đầu tư khu vực Cảng Lạch Huyện. Tiểu ban đã thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao khi thực hiện công tác tham mưu cho Hội đồng quản trị.

1.5. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2019, Cảng Hải Phòng đã thực hiện chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị công ty như sau:

- Tổng mức thù lao Cảng Hải Phòng chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 305 triệu

- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (chức danh thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và Chủ tịch Hội đồng quản trị) được hưởng lương quỹ lương Người quản lý chuyên trách của Cảng Hải Phòng, bình quân là 116 triệu đồng/người/tháng.

Ngoài khoản thu nhập từ tiền lương, các thành viên Hội đồng quản trị còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ và quy chế quản lý của Cảng Hải Phòng.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Số lượng: 03 người (gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên)

- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã PHP của các thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm 31/12/2019:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	
			SL cổ phần	Tỷ lệ
1	Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban		0,0064%
2	Bà Đào Thị Phương Lan	Thành viên		0,0005%
3	Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên		0%
4	Ông Lê Duy Dương	Nguyên Trưởng ban		0%
5	Bà Phạm Thị Thu Hương	Nguyên Thành viên		0,0009%
	Tổng cộng:			0,0078%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ trong việc giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông theo quy định của công ty, pháp luật hiện hành. Trong đó, Ban kiểm soát tập trung vào một số hoạt động chính sau đây:

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp trong việc ban hành các quyết định, quy chế quản trị của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty;
- Xem xét các tài liệu kế toán và các tài liệu quản trị khác của công ty liên quan đến các nội dung xin ý kiến Hội đồng quản trị công ty phê duyệt;
- Giám sát công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của công ty.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ như: cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty; Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của công ty và các cuộc họp khác.

Các báo cáo tổng kết, các ý kiến tham gia của Ban kiểm soát về công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập Báo cáo Tài chính định kỳ tại công ty đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Đối với những nội dung quan trọng liên quan đến quản lý tài chính, kế hoạch đầu tư của công ty, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đều cùng thảo luận trực tiếp để phối hợp trong việc thực hiện, kiểm tra, đánh giá tiến độ công việc.

Nhìn chung, công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác là nghiêm túc và chặt chẽ.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức kiểm tra đánh giá trực tiếp các hoạt động của doanh nghiệp và đã tiến hành 04 phiên họp. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát nhằm phân công công việc giữa các thành viên; thảo luận về các nội dung kiểm tra, rà soát (tình hình tài chính-kế toán, kinh doanh, đầu tư và các lĩnh vực hoạt động khác của Công ty); thống nhất các ý kiến nhận xét, đánh giá và kiến nghị đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.3. Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2019, tổng mức thù lao Cảng Hải Phòng chi trả cho thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách trong năm 2019: 84 triệu

+ Trưởng Ban kiểm soát (là thành viên chuyên trách) được hưởng lương từ quỹ lương Người quản lý chuyên trách của Cảng Hải Phòng, bình quân là 61 triệu đồng/tháng.

Các thành viên Ban kiểm soát còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ và các quy chế quản lý của Cảng Hải Phòng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2019, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

Nội dung	Kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019	Thực hiện (VNĐ)	Tỷ lệ
Thù lao HĐQT, BKS	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	100%

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương bổ nhiệm ông Nguyễn Tường Anh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/2/2020.

- Hội đồng quản trị tái bổ nhiệm Bà Trần Thị Thanh Hải giữ chức vụ Kế toán trưởng Cảng Hải Phòng.

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Trần Văn Hoàn – Thư ký công ty làm Người phụ trách quản trị công ty từ ngày 01/10/2019.

- Hội đồng quản trị thông qua nội dung và công bố Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức của Cảng Hải Phòng theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, lý do: cập nhật, điều chỉnh mã ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ.

- Hội đồng quản trị kiện toàn nhân sự Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng

Nhìn chung, công tác quản trị của Cảng Hải Phòng tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy chế, quy định của Cảng Hải Phòng và pháp luật hiện hành.

3.5. Những vấn đề lưu ý khác

3.5.1. Thay đổi về thành viên Hội đồng quản trị

a. Thôi tham gia Hội đồng quản trị

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Cảng Hải Phòng:

- Có hai (02) thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019 không tái cử nhiệm kỳ 2019-2024, gồm các cá nhân sau:

+ Ông Phùng Xuân Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Ông Nguyễn Quang Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Đại hội đồng cổ đông đã bầu ba (03) thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024, gồm các cá nhân sau:

- + Ông Phạm Hồng Minh
- + Ông Nguyễn Tường Anh
- + Ông Lương Đình Minh

3.5.2. Xác lập vai trò thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng giữ vai trò thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị từ 31/7/2019.

3.5.3. Thay đổi về thành viên Ban kiểm soát

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Cảng Hải Phòng:

- Có hai (02) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019 không tái cử nhiệm kỳ 2019-2024, gồm các cá nhân sau:

- + Ông Lê Duy Dương – Trưởng Ban kiểm soát
- + Bà Phạm Thị Thu Hương – Thành viên Ban kiểm soát

- Có một (01) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019 tham gia tái cử nhiệm kỳ 2019-2024

- + Bà Đào Thị Thu Hà – Thành viên Ban kiểm soát

- Đại hội đồng cổ đông đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024, gồm các cá nhân sau:

- + Bà Đào Thị Thu Hà
- + Bà Nguyễn Thị Hằng
- + Bà Đào Thị Phương Lan

3.5.4. Thay đổi về Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng tại doanh nghiệp khác (đối với người quản lý, người điều hành của Cảng Hải Phòng)

- Thôi cử làm Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng tại CTCP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng đối với Ông Phạm Hồng Minh – Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng

- Thôi cử làm Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng tại CTCP Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng đối với Ông Cao Trung Ngoan – Quyền Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng

- Thôi cử Ông Phan Tuấn Linh – Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng làm Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng tại CTCP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng

3.5.5 Thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin

Từ ngày 09/7/2019, Ông Phạm Hồng Minh thôi là Người được ủy quyền công bố thông tin của Cảng Hải Phòng. Công tác công bố thông tin của Cảng Hải Phòng theo quy định về quản trị công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán do Ông Cao Trung Ngoan – Quyền Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Cảng Hải Phòng trực tiếp thực hiện.

3.5.6. Thực hiện giao dịch đặc biệt

a. Giao dịch với người có liên quan của người nội bộ

- Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (doanh nghiệp do Cảng Hải Phòng nắm giữ 51% vốn điều lệ).

+ Nội dung hợp đồng: hợp tác khai thác cầu bến, bốc xếp, giao nhận, lưu kho, bãi container

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên – Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng

+ Nội dung hợp đồng 1: dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hóa nhập/xuất qua Cảng Hải Phòng

+ Nội dung hợp đồng 2: thuê xe nâng container Reachstacker

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên – Công ty Vận tải biển container Vinalines

- Nội dung hợp đồng: dịch vụ bốc xếp, giao nhận, lưu kho, nâng, hạ, đóng, rút, cân container tại Cảng Hải Phòng.

d. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 60% vốn điều lệ và Ông Cao Trung Ngoan là Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng)

+ Nội dung hợp đồng 1: thuê dịch vụ trông coi, bảo vệ bến phao neo tàu khu chuyển tải Bạch Đằng

+ Nội dung hợp đồng 2: cung cấp dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, chi nhánh Cảng Tân Vũ, Bến phao neo Bạch Đằng và Bến Gót

+ Nội dung hợp đồng 3: Dịch vụ cung cấp sà lan vận chuyển container

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ và Ông Phạm Hồng Minh là Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu)

+ Nội dung hợp đồng 1: thuê phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ

+ Nội dung hợp đồng 2: nhượng bán vật tư, bảo hộ lao động, gia công, sửa chữa

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ)

+ Nội dung hợp đồng 1: thuê cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị, dụng cụ máy móc, giáo viên lý thuyết tích hợp và giáo viên trợ giảng thực hành

+ Nội dung hợp đồng 2: cung ứng dịch vụ đào tạo nâng bậc nghề

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ)

+ Nội dung hợp đồng: dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, công tác y tế doanh nghiệp, khám sức khỏe tuyển dụng.

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần HPH Logistics (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 30% vốn điều lệ và Ông Nguyễn Tường Anh là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần HPH Logistics)

+ Nội dung giao dịch 1: Phụ lục Hợp đồng quy định về việc cung cấp dịch vụ vận chuyển container từ bãi HPH xuất tàu tại chi nhánh Cảng Tân Vũ

- + Nội dung giao dịch 2: Phụ lục Hợp đồng quy định về dịch vụ cân container
- + Nội dung hợp đồng 3: Cảng Hải Phòng cho Công ty HPH Logistics thuê xe nâng hạ container, xe nâng hàng forklift
- + Nội dung hợp đồng 4: Công ty HPH Logistics cho Cảng Hải Phòng thuê xe nâng hàng container
- + Nội dung hợp đồng 5: Khai thác container

b. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 60% vốn điều lệ và Ông Cao Trung Ngoan là Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng)

+ Nội dung hợp đồng 1: thuê dịch vụ trông coi, bảo vệ bến phao neo tàu khu chuyển tải Bạch Đằng

+ Nội dung hợp đồng 2: cung cấp dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, chi nhánh Cảng Tân Vũ, Bến phao neo Bạch Đằng và Bến Gót

+ Nội dung hợp đồng 3: Dịch vụ cung cấp sàn lan vận chuyển container

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ và Ông Phạm Hồng Minh là Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu)

+ Nội dung hợp đồng 1: thuê phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ

+ Nội dung hợp đồng 2: nhượng bán vật tư, bảo hộ lao động, gia công, sửa chữa

- Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần HPH Logistics (do Cảng Hải Phòng nắm giữ 30% vốn điều lệ và Ông Nguyễn Tường Anh là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần HPH Logistics)

+ Nội dung giao dịch 1: Phụ lục Hợp đồng quy định về việc cung cấp dịch vụ vận chuyển container từ bãi HPH xuất tàu tại chi nhánh Cảng Tân Vũ

+ Nội dung giao dịch 2: Phụ lục Hợp đồng quy định về dịch vụ cân container

+ Nội dung hợp đồng 3: Cảng Hải Phòng cho Công ty HPH Logistics thuê xe nâng hạ container, xe nâng hàng forklift

+ Nội dung hợp đồng 4: Công ty HPH Logistics cho Cảng Hải Phòng thuê xe nâng hàng container

+ Nội dung hợp đồng 5: Khai thác container

c. Giao dịch với người có liên quan của Cổ đông lớn

Cảng Hải Phòng ký hợp đồng các doanh nghiệp do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – cổ đông lớn của Cảng Hải Phòng tham gia góp vốn, sở hữu cổ phần, cụ thể như sau:

- Hợp đồng giữa Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH một thành viên Vận tải Biển Đông

+ Nội dung hợp đồng: dịch vụ bốc xếp, giao nhận, lưu kho, bãi container tại Cảng Hải Phòng

- Hợp đồng giữa Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

+ Nội dung hợp đồng: dịch vụ bốc xếp, giao nhận, lưu kho, bãi, nâng, hạ, đóng rút, cân container tại Cảng Hải Phòng

- Hợp đồng giữa Cảng Hải Phòng và Công ty Vận tải biển Vinalines

+ Nội dung hợp đồng: dịch vụ bốc xếp, giao nhận và lưu bãi container tại Cảng Hải Phòng; dịch vụ hỗ trợ quản lý tình trạng container và điều động container tại Cảng Hải Phòng

- Hợp đồng giữa Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam

+ Nội dung hợp đồng: dịch vụ bốc xếp, giao nhận, lưu kho, bãi, nâng, hạ, đóng, rút, và cân container tại Cảng Hải Phòng; dịch vụ hỗ trợ quản lý tình trạng container và điều động container tại Cảng Hải Phòng.

3.5.7. Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản

- Nội dung: thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty đối với việc tăng tỷ lệ cổ tức năm 2018

- Thời điểm chốt danh sách cổ đông: 21/11/2019

- Thời điểm xin ý kiến cổ đông: 25/11/2019

- Thời điểm ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: 13/12/2019

- Thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bổ sung năm 2018: 26/12/2019

- Thời điểm chi trả cổ tức bổ sung năm 2018: 20/01/2020

3.5.8. Thay đổi mẫu con dấu

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thay đổi mẫu con dấu từ ngày 08/7/2019

3.5.9. Điều chỉnh thông tin loại chứng khoán của nhóm chứng khoán hạn chế chuyển nhượng

Cảng Hải Phòng đã thực hiện điều chỉnh thông tin loại chứng khoán từ chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện sang chứng khoán chuyển nhượng tự do đối với 55.600 cổ phiếu mã PHP cho 58 cổ đông. Đây là các cá nhân đã tham gia chương trình mua cổ phần có cam kết thời gian làm việc với Cảng Hải Phòng, thời hạn cam kết 05 năm kể từ ngày Cảng Hải Phòng chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

3.5.10. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Cổ đông lớn của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã cử Người đại diện phần vốn của Tổng công ty HHVN tại Cảng Hải Phòng và giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Cổ đông lớn của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã thay đổi Người đại diện phần vốn của Tổng công ty HHVN tại Cảng Hải Phòng đối với các cá nhân sau:

- Ông Phạm Hồng Minh – Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng (tỷ lệ đại diện là 20,56% VĐL của Cảng Hải Phòng), ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2019-2024

- Ông Nguyễn Tường Anh – Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng (tỷ lệ đại diện là 18% VĐL của Cảng Hải Phòng), ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2019-2024

- Ông Lương Đình Minh – Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ TCT HHVN (tỷ lệ đại diện là 18% VĐL của Cảng Hải Phòng), ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2019-2024

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam Cổ đông lớn của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 đối với các cá nhân sau:

- Bà Đào Thị Thu Hà – Thành viên Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng nhiệm kỳ 2014-2019

- Bà Nguyễn Thị Hằng – Chuyên viên Ban Đầu tư của TCT HHVN
- Bà Đào Thị Phương Lan – Chuyên viên Phòng KHPC của Cảng Hải Phòng.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2019 (BCTC riêng và BCTC hợp nhất), ý kiến của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính và các giải trình liên quan được đính kèm Báo cáo thường niên năm 2019 của Cảng Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (để b/cáo);
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (để b/cáo);
- Chủ tịch HĐQT (để b/cáo);
- Lưu: VT, TKCT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tường Anh

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2019 CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)

1 Công ty con

STT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	Công ty TNHH một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Công ty TNHH Đào tạo KTNV Cảng Hải Phòng	CTCP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
1	Doanh thu	391.182.378.051	4.367.896.105	3.365.211.347	80.340.763.509	642.508.145.015
2	Chi phí	348.177.968.634	4.691.794.954	3.339.845.943	73.064.953.230	340.235.382.934
3	Lợi nhuận trước thuế	43.004.409.417	(323.898.849)	25.365.404	7.275.810.279	302.272.762.081
4	Lợi nhuận sau thuế	34.267.741.662	(323.898.849)	18.492.323	5.762.416.217	247.631.247.279
5	Tổng tài sản tại 31/12/2019	562.401.394.268	15.134.379.602	1.685.990.698	42.421.339.564	1.278.622.401.224
6	Tổng nợ phải trả tại 31/12/2019	132.401.394.268	1.045.314.397	685.990.698	9.275.523.347	107.476.256.408
7	Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019	430.000.000.000	14.089.065.205	1.000.000.000	33.145.816.217	1.171.146.144.816

2 Công ty liên doanh liên kết

STT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	CTCP Tiếp vận Đình Vũ	CTCP Logistics Cảng Sài Gòn	CTCP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	CTCP Đầu tư và Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	CTCP HPH Logistics
1	Doanh thu	241.222.029.568	78.658.181.523	28.645.446.351	441.397.017	41.346.900.866	33.349.587.361
2	Chi phí	179.167.452.479	81.194.983.025	26.348.118.080	1.398.991.349	35.919.643.217	29.769.214.072
3	Lợi nhuận trước thuế	62.054.577.089	(2.536.801.502)	2.297.328.271	(957.594.332)	5.427.257.649	3.580.373.289
4	Lợi nhuận sau thuế	57.677.201.298	(2.536.801.502)	2.297.328.271	(957.594.332)	5.427.257.649	3.580.373.289
5	Tổng tài sản tại 31/12/2019	353.309.395.472	61.940.712.658	16.012.233.715	91.191.977.390	215.127.458.247	38.173.439.837
6	Tổng nợ phải trả tại 31/12/2019	21.315.599.605	8.996.913.112	3.457.963.711	3.814.325.932	128.659.704.120	4.283.487.789
7	Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019	331.993.795.867	52.943.799.546	12.554.270.004	87.377.651.458	86.467.754.127	33.889.952.048

Ghi chú

1. CTCP Vận tải Container Đông Đô CHP đã đăng ký tạm ngừng hoạt động từ 01/9/2018 đến 01/9/2019. Tuy nhiên, hết thời hạn này công ty vẫn chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. CTCP Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2014. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 01/02/2020.

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 26/06/2019 và giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/07/2019
Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Lương Đình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên	
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2020
	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 31/01/2020
Ông Cao Trung Ngoan	Quyền Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/07/2019
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển công tác từ 01/07/2019

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
	Thành viên	Đến ngày 26/06/2019
Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Đào Thị Phương Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến ngày 31/01/2020 là Ông Cao Trung Ngoan - Quyền Tổng Giám đốc; từ ngày 01/02/2020 đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tường Anh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/3/2020, từ trang 07 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 12 và số 19 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa là cầu cảng số 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả ước tính tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là 383,3 tỷ đồng và 204,5 tỷ đồng. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thống nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và nhất trí chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết). Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được một Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ theo Báo cáo kiểm toán được lập ngày 26/3/2019. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản vay tương ứng được ghi nhận.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.557.458.459.648	1.251.957.577.128
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	187.670.533.154	262.268.805.477
Tiền	111		13.470.533.154	77.568.805.477
Các khoản tương đương tiền	112		174.200.000.000	184.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.069.595.000.000	715.865.930.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	1.069.595.000.000	715.865.930.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.355.140.580	226.285.575.765
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	160.424.257.168	155.737.694.728
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.207.918.974	5.502.967.640
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	109.124.338.360	89.416.247.507
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	11	(25.401.373.922)	(24.371.334.110)
Hàng tồn kho	140	9	38.211.680.649	29.960.382.753
Hàng tồn kho	141		38.211.680.649	29.960.382.753
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.626.105.265	17.576.883.133
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	14.024.487.764	12.112.409.362
Thuế GTGT được khấu trừ	152		601.617.501	2.512.524.475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	2.951.949.296
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.630.876.368.172	3.749.500.020.273
Tài sản cố định	220		2.136.210.259.007	2.310.777.402.750
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.134.218.645.007	2.308.444.332.750
- Nguyên giá	222		4.669.724.839.729	4.636.365.694.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.535.506.194.722)	(2.327.921.361.377)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.991.614.000	2.333.070.000
- Nguyên giá	228		31.901.695.138	31.901.695.138
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.910.081.138)	(29.568.625.138)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.858.821.117	21.188.709.815
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.858.821.117	21.188.709.815
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	1.430.950.598.899	1.359.205.224.474
Đầu tư vào công ty con	251		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		83.143.237.464	83.143.237.464
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.449.465.674)	(21.194.840.099)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		70.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		61.856.689.149	58.328.683.234
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.955.353.543	24.873.511.169
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	40.901.335.606	33.455.172.065
TỔNG TÀI SẢN	270		5.188.334.827.820	5.001.457.597.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.216.512.965.398	1.252.686.504.824
Nợ ngắn hạn	310		534.069.556.447	545.745.216.467
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	52.852.456.108	44.334.034.616
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.661.390.932	375.082.942
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	54.514.862.754	36.949.497.326
Phải trả người lao động	314		95.603.478.277	96.414.325.135
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	206.866.302.257	169.456.324.734
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	67.200.524.260	138.472.760.561
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	33.234.797.596	32.361.105.777
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.135.744.263	27.382.085.376
Nợ dài hạn	330		682.443.408.951	706.941.288.357
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	682.443.408.951	706.941.288.357
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.971.821.862.422	3.748.771.092.577
Vốn chủ sở hữu	410	22	3.971.821.862.422	3.748.771.092.577
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		287.408.908.744	217.294.930.168
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		414.812.953.678	261.876.162.409
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.612.929.378	80.925.231.850
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		329.200.024.300	180.950.930.559
TỔNG NGUỒN VỐN	440		5.188.334.827.820	5.001.457.597.401



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.169.372.160.565	1.075.403.237.584
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.169.372.160.565	1.075.403.237.584
Giá vốn hàng bán	11	25	796.769.977.957	767.320.140.836
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		372.602.182.608	308.083.096.748
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	164.481.672.373	190.783.653.995
Chi phí tài chính	22	27	51.053.259.154	52.544.496.902
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>42.499.523.525</i>	<i>42.827.346.317</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	99.433.124.416	92.336.157.672
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		386.597.471.411	353.986.096.169
Thu nhập khác	31	30	1.440.754.831	899.249.710
Chi phí khác	32	31	137.099.754	529.717.492
Lợi nhuận khác	40		1.303.655.077	369.532.218
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		387.901.126.488	354.355.628.387
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	66.147.265.729	50.047.747.235
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(7.446.163.541)	(7.427.049.407)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		329.200.024.300	311.734.930.559



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	387.901.126.488	354.355.628.387
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	207.276.511.309	260.483.428.728
Các hoàn nhập/trích lập dự phòng	03	(715.334.613)	(9.256.811.455)
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.961.716.120	13.332.533.772
Lãi hoạt động đầu tư	05	(162.438.452.291)	(187.742.524.847)
Chi phí lãi vay	06	42.499.523.525	42.827.346.317
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	483.485.090.538	473.999.600.902
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.363.293.719)	(11.127.723.334)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.251.297.896)	(6.395.964.760)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.534.065.062	52.375.120.623
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.006.079.224	340.288.584
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.433.560.694)	(5.752.811.136)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.047.747.235)	(55.419.092.072)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	32.121.500	320.563.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(45.638.791.577)	(45.284.971.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	365.322.665.203	403.055.010.169
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.106.663.904)	(171.604.358.614)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.625.395.000.000)	(965.165.930.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.201.665.930.000	881.800.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	160.844.670.019	148.012.069.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(275.991.063.885)	(106.958.219.341)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.974.415.475)	(31.523.491.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(130.784.000.000)	(196.176.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(163.758.415.475)	(227.699.491.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(74.426.814.157)	68.397.299.828
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	262.268.805.477	192.656.351.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(171.458.166)	1.215.154.015
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	187.670.533.154	262.268.805.477



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2014.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng *(Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)*.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển;

...

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 05 Công ty con, 06 Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 02 Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con, chi tiết tại Thuyết minh số 16 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 1.359 người (tại ngày 31/12/2018 là 1.540 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các đơn vị trực thuộc là các đơn vị có tổ chức bộ máy và hệ thống sổ sách kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch);
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc sản xuất hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 20

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị của đơn vị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá xác định lại theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: Là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.
- Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm và chi phí khác

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước và thời gian mang lại hiệu quả kinh tế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)****Doanh thu hoạt động tài chính**

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4.14 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được Báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh khai thác Cảng, dịch vụ kho bãi và logistic. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ Công ty cung cấp hoặc tại các khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.029.884.500	237.985.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.440.648.654	77.330.819.977
Các khoản tương đương tiền	174.200.000.000	184.700.000.000
	187.670.533.154	262.268.805.477

6. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2019 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	160.424.257.168	155.737.694.728
- Ocean Network Express Pte., Ltd	11.187.985.469	16.520.922.095
- Wan Hai Lines	13.829.154.898	13.366.526.240
- Maersk Line A/S	8.989.479.894	7.694.121.574
- Sealand Maersk Asia Pte. Ltd (trước đây là MCC Transport Singapore Pte. Ltd)	9.575.900.189	4.638.050.654
- HYUNDAI MERCHANT MARINE CO.,LTD	3.484.569.843	4.845.688.767
- Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	11.477.022.428	10.363.601.649
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	9.930.305.723
- Phải thu ngắn hạn bên liên quan	17.841.082.921	21.865.816.365
- Các khách hàng khác	74.108.755.803	66.512.661.661
	160.424.257.168	155.737.694.728

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

8A Trần Phú, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP)**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Một số khoản Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	17.841.082.921	21.865.816.365
- Công ty Cổ phần HPH Logistic	1.016.409.895	2.448.444.194
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.322.171.132	3.329.357.688
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	7.311.649.445	8.008.984.801
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	4.965.834.725
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	126.232.228	1.126.482.703
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	33.962.720	37.821.652
- Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	9.555.673	16.371.695
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	68.475.000	26.708.000
- Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	5.670.472.868	837.094.223
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	1.053.107.316
- Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	-	15.609.368
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	282.153.960	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	109.124.338.360	89.416.247.507
- Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	34.566.363.655	48.687.770.647
- Phải thu lãi tiền gửi	26.378.596.938	10.663.407.674
- Tạm ứng	362.300.000	653.000.000
- Phải thu tiền thuê đất trả hộ cho công ty con	32.280.499.715	17.917.150.965
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	11.819.337.341	8.001.197.954
- Phải thu khác	3.717.240.711	3.493.720.267
	109.124.338.360	89.416.247.507
Một số khoản Phải thu khác là các bên liên quan	66.846.863.370	66.604.921.612
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	66.548.241.377	66.316.503.681
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	18.492.323	8.288.261
- Công ty TNHH Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	280.129.670	280.129.670
	66.846.863.370	66.604.921.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.833.899.647	-	28.569.805.036	-
Công cụ, dụng cụ	1.367.190.548	-	1.390.577.717	-
Hàng hóa	10.590.454	-	-	-
	38.211.680.649	-	29.960.382.753	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	14.024.487.764	12.112.409.362
- Phí bảo hiểm	5.298.683.426	7.593.806.389
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.586.295.487	2.431.174.293
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.139.508.851	2.087.428.680
Dài hạn	20.955.353.543	24.873.511.169
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	13.826.908.111	17.500.534.347
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.792.392.880	7.303.750.656
- Chi phí trả trước dài hạn khác	336.052.552	69.226.166
	34.979.841.307	36.985.920.531

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. NỢ XẤU**

Khoản mục	12/31/2019		01/01/2019			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ quá hạn trên 3 năm	25.401.373.922	(25.401.373.922)	-	25.172.263.618	(24.204.469.174)	-
Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Hải Dương	367.184.730	(367.184.730)	-	367.184.730	(367.184.730)	-
Công ty CP TMDV và vận tải Trọng Tín	915.035.424	(915.035.424)	-	915.035.424	-	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại Hoàng Ngân	777.244.311	(777.244.311)	-	777.244.311	(777.244.311)	-
Công ty CP Vận tải container Đông Đô cảng HP	3.322.171.132	(3.322.171.132)	-	3.329.357.688	(3.329.357.688)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phú Lộc	339.894.940	(339.894.940)	-	339.894.940	(339.894.940)	-
Công ty TNHH MTV VT Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty CP Nam Việt	390.750.985	(390.750.985)	-	391.680.741	(391.680.741)	-
CN Công ty CP Vinalines Đông Bắc	436.403.386	(436.403.386)	-	436.649.760	(436.649.760)	-
Công ty TNHH DV TM Hải châu	965.762.010	(965.762.010)	-	965.762.010	(965.762.010)	-
MCC Transport Singapore Pte, Ltd	307.142.874	(307.142.874)	-	307.873.692	(307.873.692)	-
Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	-	9.930.305.723	(9.930.305.723)	-
Đối tượng khác (*)	1.020.611.589	(1.020.611.589)	-	782.407.781	(729.648.761)	-
Nợ quá hạn trên 2 năm và dưới 3 năm	-	-	-	238.378.480	(166.864.936)	71.513.544
Tổng cộng	25.401.373.922	(25.401.373.922)	-	25.410.642.098	(24.371.334.110)	71.513.544

(*) Số dư tại ngày 31/12/2019 bao gồm các khoản phải thu đã quá hạn trên 2 năm và dưới 3 năm tại ngày 01/01/2019 được chuyển thành các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	1.701.258.479.247	79.814.651.986	2.812.361.207.583	42.931.355.311	4.636.365.694.127
- Mua mới trong năm	-	-	2.709.000.000	1.012.417.955	3.721.417.955
- Đầu tư XDCB hoàn thành	28.560.339.539	-	592.374.926	485.013.182	29.637.727.647
31/12/2019	1.729.818.818.786	79.814.651.986	2.815.662.582.509	44.428.786.448	4.669.724.839.729
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(694.493.222.702)	(36.845.775.151)	(1.574.526.981.097)	(22.055.382.427)	(2.327.921.361.377)
- Khấu hao trong năm	(57.812.751.510)	(3.428.886.676)	(142.475.625.729)	(3.867.569.430)	(207.584.833.345)
31/12/2019	(752.305.974.212)	(40.274.661.827)	(1.717.002.606.826)	(25.922.951.857)	(2.535.506.194.722)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	1.006.765.256.545	42.968.876.835	1.237.834.226.486	20.875.972.884	2.308.444.332.750
31/12/2019	977.512.844.574	39.539.990.159	1.098.659.975.683	18.505.834.591	2.134.218.645.007

Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.209.261.152.469 đồng.

(*) Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm giá trị đầu tư tạm ghi nhận của 02 cầu Cảng số 04, 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng căn cứ theo Quyết định 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015. Các tài sản nêu trên thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2 (Dự án), do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thông nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay ODA liên quan đến tài sản nêu trên. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, phương án xử lý chính thức đối với các nội dung nêu ra trong văn bản 8715 của Bộ Tài chính vẫn chưa được xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	31.901.695.138	31.901.695.138
- Mua trong năm	-	-
31/12/2019	<u>31.901.695.138</u>	<u>31.901.695.138</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2019	(29.568.625.138)	(29.568.625.138)
- Khấu hao trong năm	(341.456.000)	(341.456.000)
31/12/2019	<u>(29.910.081.138)</u>	<u>(29.910.081.138)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	<u>2.333.070.000</u>	<u>2.333.070.000</u>
31/12/2019	<u>1.991.614.000</u>	<u>1.991.614.000</u>

Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.964.821.138 đồng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Giá gốc	
	31/12/2019 <u>VND</u>	01/01/2019 <u>VND</u>
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5,6	65.009.133	19.399.259.649
Các công trình khác	1.793.811.984	1.789.450.166
	<u>1.858.821.117</u>	<u>21.188.709.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Thuế suất %	Số thuế hoãn lại VND	Thuế suất %
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	204.506.678.033		40.901.335.606	
+ Chi phí lãi vay dự trả liên quan đến khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ	204.506.678.033	20%	40.901.335.606	20%
+ Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-		-	20%
+ Lãi/Lỗ CLTG do đánh giá lại tiền và phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính	-		-	20%
	204.506.678.033		40.901.335.606	
			167.275.860.326	
				20%
				183.034.987
				(192.592.054)
			167.275.860.326	33.455.172.065
				33.464.729.132

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư vào Công ty con	1.279.501.691.109	(910.934.795)		1.279.501.691.109	(587.035.946)	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	816.000.000.000	-	742.560.000.000	816.000.000.000	-	856.800.000.000
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	17.501.691.109	-	12.960.000.000	17.501.691.109	-	12.150.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	430.000.000.000	-		430.000.000.000		
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	15.000.000.000	(910.934.795)		15.000.000.000	(587.035.946)	
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	1.000.000.000	-		1.000.000.000	-	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	83.143.237.464	(17.337.399.867)		83.143.237.464	(19.466.673.141)	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	(5.045.883.853)		31.440.000.000	(6.702.543.844)	
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	-		25.289.203.035	-	
Công ty CP HPH Logistics (trước đây là Công ty CP HGH Logistics)	11.596.000.000	-		11.596.000.000	-	
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	6.300.000.000	(6.300.000.000)		6.300.000.000	(6.300.000.000)	
Công ty CP Vinalines Đông Bắc	5.518.034.429	(5.518.034.429)		5.518.034.429	(5.518.034.429)	
Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000	(473.481.585)		3.000.000.000	(946.094.868)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.755.136.000	(1.201.131.012)		17.755.136.000	(1.141.131.012)	
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	15.307.119.745	-		15.307.119.745	-	
Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng hải	144.385.243	-		144.385.243	-	
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	122.500.000	-	661.756.920	122.500.000	-	661.756.920
Công ty CP Vinalines Logistics	2.181.131.012	(1.201.131.012)	980.000.000	2.181.131.012	(1.141.131.012)	1.040.000.000
	1.380.400.064.573	(19.449.465.674)		1.380.400.064.573	(21.194.840.099)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	20.400.000	51%	51%	20.400.000	51%	51%
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải phòng	1.620.000	60%	60%	1.620.000	60%	60%
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu		100%	100%		100%	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng		100%	100%		100%	100%
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng		100%	100%		100%	100%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)						
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	3.144.000	30,52%	30,52%	3.144.000	30,52%	30,52%
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	2.350.000	27,61%	27,61%	2.350.000	27,61%	27,61%
Công ty CP HPH Logistics (trước đây là Công ty CP HGH Logistics)	1.159.600	38,81%	38,81%	1.159.600	38,81%	38,81%
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	630.000	32%	32%	630.000	32%	32%
Công ty CP Vinalines Đông Bắc	500.000	25%	25%	500.000	25%	25%
Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	30.000	20%	20%	30.000	20%	20%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	1.503.373	0%	0%	1.503.373	0%	0%
Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng hải	1.375	3%	3%	1.375	3%	3%
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	130.782	0%	0%	130.782	0%	0%
Công ty CP Vinalines Logistics	200.000	1%	1%	200.000	1%	1%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(*) Công ty còn có 2 Công ty liên kết được nắm giữ gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con, bao gồm Công ty Tiếp vận SITC - Đình Vũ và Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 26,01% và 23,26%, tỷ lệ biểu quyết tương ứng là 50,00% và 45,60%.

(**) Đối với các công ty đã được niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty xác định giá trị hợp lý căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty không xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa được niêm yết hoặc không có giá giao dịch công khai trên thị trường.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	52.852.456.108	52.852.456.108	44.334.034.616	44.334.034.616
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tân Cảng	413.719.564	413.719.564	4.946.287.744	4.946.287.744
- Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.299.898.911	6.299.898.911	6.467.967.875	6.467.967.875
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	4.227.322.631	4.227.322.631	779.262.503	779.262.503
- Các nhà cung cấp khác	41.911.515.002	41.911.515.002	32.140.516.494	32.140.516.494
	52.852.456.108	52.852.456.108	44.334.034.616	44.334.034.616
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	6.858.207.319	6.858.207.319	7.407.605.060	7.407.605.060
- Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.299.898.911	6.299.898.911	6.467.967.875	6.467.967.875
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	528.088.658	528.088.658	924.517.185	924.517.185
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	30.219.750	30.219.750	600.000	600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	-	-	14.520.000	14.520.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	68.052.675.914	65.258.073.161	2.794.602.753
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.107.066.985	66.147.265.729	62.107.066.985	15.147.265.729
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9.734.152.250	8.438.623.319	1.295.528.931
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	25.842.430.341	38.696.719.425	29.261.684.425	35.277.465.341
- Các loại thuế khác	-	7.433.463	7.433.463	-
	36.949.497.326	182.638.246.781	165.072.881.353	54.514.862.754

	01/01/2019	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu/khấu trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế Thu nhập cá nhân	2.951.949.296	-	2.951.949.296	-
	2.951.949.296	-	2.951.949.296	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	33.234.797.596	33.234.797.596
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (*)</i>	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	33.234.797.596	33.234.797.596
Cộng	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	33.234.797.596	33.234.797.596
Vay dài hạn						
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II (*)</i>	323.611.057.770	323.611.057.770	-	(32.974.415.473)	299.113.178.364	299.113.178.364
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (**)</i>	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
- <i>Vay dài hạn ODA câu số 4,5 bến Cảng chĩa Vẽ (**)</i>	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
Cộng	706.941.288.357	706.941.288.357	-	(32.974.415.473)	682.443.408.951	682.443.408.951
Tổng cộng	739.302.394.134	739.302.394.134	32.974.415.473	(65.948.830.948)	715.678.206.547	715.678.206.547

(*) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ HTPT Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm và phí vay lại 0,2%/năm; lãi và gốc được trả thành 40 kỳ vào ngày 20 tháng 02 và 20 tháng 08 hàng năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(**) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 4, số 5 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 (“Quyết định 4196”) của Bộ Giao thông Vận tải.

Căn cứ theo Quyết định số 4196 và Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần” được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc Dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng đồng VND và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm hiện tại với lãi suất vay là 9,5%/ năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm, phần vốn đối ứng không tính lãi.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Lãi vay phải trả (*)	206.362.287.565	169.296.324.734
- Các khoản khác	504.014.692	160.000.000
	206.866.302.257	169.456.324.734

(*) Bao gồm chi phí lãi vay phải trả tạm tính cho khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ với giá trị lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 204.506.678.033 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 167.323.645.661 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	67.200.524.260	138.472.760.561
- Phải trả tiền cổ tức	65.392.000.000	130.784.000.000
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	321.388.400	643.946.500
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	1.125.404.000	3.812.425.000
- Thuế TNCN khấu trừ thừa của Cán bộ công nhân viên	-	2.691.335.044
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	355.731.860	535.054.017
Dài hạn	-	-
	67.200.524.260	138.472.760.561
Trong đó: Phải trả bên liên quan		
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV - tiền cổ tức phải trả	60.528.275.400	121.056.550.800
	60.528.275.400	121.056.550.800

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**22.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	3.269.600.000.000	161.622.388.578	368.338.890.223	3.799.561.278.801
- Lãi trong năm	-	-	311.734.930.559	311.734.930.559
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	55.583.536.373	(55.583.536.373)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(35.654.122.000)	(35.654.122.000)
- Chia cổ tức	-	-	(326.960.000.000)	(326.960.000.000)
- Tăng khác	-	89.005.217	-	89.005.217
31/12/2018	3.269.600.000.000	217.294.930.168	261.876.162.409	3.748.771.092.577
01/01/2019	3.269.600.000.000	217.294.930.168	261.876.162.409	3.748.771.092.577
- Lãi trong năm	-	-	329.200.024.300	329.200.024.300
- Chia cổ tức (*)	-	-	(65.392.000.000)	(65.392.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	70.022.606.031	(70.022.606.031)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	(40.848.627.000)	(40.848.627.000)
- Tăng khác	-	91.372.545	-	91.372.545
31/12/2019	3.269.600.000.000	287.408.908.744	414.812.953.678	3.971.821.862.422

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****22.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(*) Chi trả cổ tức bổ sung năm 2018 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông (lấy ý kiến bằng văn bản) ngày 13/12/2019 với tỷ lệ 2% vốn điều lệ.

(**) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty ngày 26/06/2019.

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-Công ty TNHH MTV Cổ đông khác	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%
	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000	7,44%
	3.269.600.000.000	100%	3.269.600.000.000	100%

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	65.392.000.000	326.960.000.000

22.4 Cổ phiếu

	31/12/2019 CP	01/01/2019 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	12/31/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	93.892,95	2.936.188,89
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.183.298.144	2.183.298.144

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bốc xếp	965.058.063.735	834.167.457.135
Doanh thu lưu bãi	141.032.101.141	179.451.594.253
Doanh thu lai đất	41.541.834.423	41.527.328.165
Doanh thu kiểm đếm, giao nhận, cân hàng	6.865.490.133	4.752.830.300
Dịch vụ khác	14.874.671.133	15.504.027.731
	1.169.372.160.565	1.075.403.237.584

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	312.341.649.889	283.846.263.356
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	204.616.032.934	257.223.465.188
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.793.374.076	72.238.513.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.998.801.717	79.404.124.987
Chi phí khác	114.020.119.341	74.607.773.560
	796.769.977.957	767.320.140.836

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.487.519.116	45.418.064.680
Cổ tức lợi nhuận được chia	97.950.933.175	142.324.460.167
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.034.352.222	3.036.940.348
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.867.860	4.188.800
	164.481.672.373	190.783.653.995

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	42.499.523.525	42.827.346.317
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.337.393.936	1.722.899.815
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	8.961.716.118	13.332.533.772
Hoàn nhập/Trích dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(1.745.374.425)	(5.338.283.002)
	51.053.259.154	52.544.496.902

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	51.632.786.093	48.940.173.717
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.660.478.375	3.259.963.540
- Dự phòng/hoàn nhập số dư dự phòng phải thu	1.030.039.812	3.643.971.547
- Chi phí văn phòng phẩm, ấn phẩm	2.171.962.300	1.459.917.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.810.155.596	3.672.255.168
- Các khoản chi phí khác	38.127.702.240	31.359.876.700
	99.433.124.416	92.336.157.672

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu, văn phòng phẩm	86.111.983.446	73.691.585.060
Chi phí nhân công	363.974.435.982	332.786.437.073
Khấu hao tài sản cố định	207.276.511.309	260.483.428.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.490.347.943	81.489.878.903
Dự phòng/hoàn nhập số dư dự phòng phải thu	1.030.039.812	3.643.971.547
Chi phí bằng tiền khác	154.319.783.881	107.560.997.197
	896.203.102.373	859.656.298.508

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền điện cho thuê ngoài	1.240.507.669	786.974.046
Thu nhập khác	200.247.162	112.275.664
	1.440.754.831	899.249.710

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền điện cho thuê ngoài	87.099.754	104.872.695
Các khoản khác	50.000.000	424.844.797
	137.099.754	529.717.492

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	387.901.126.488	354.355.628.387
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	(97.950.933.175)	(143.287.420.435)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(97.950.933.175)	(142.324.460.167)
- Lãi CLTG do đánh giá lại tiền và phải thu cuối năm	-	(962.960.268)
Cộng:	39.529.072.422	39.170.528.221
- Chi phí nhiên liệu vượt định mức	106.966.191	832.379.253
- Chi phí lãi vay trích trước	37.183.032.372	37.183.032.372
- Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại 31/12/2018 đã loại ra khi tính thuế năm 2018	962.960.268	-
- Lỗ CLTG do đánh giá lại tiền và phải thu cuối năm	222.045.345	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	915.174.933
- Chi phí không được trừ	1.054.068.246	239.941.663
Thu nhập tính thuế	329.479.265.735	250.238.736.173
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	65.895.853.147	50.047.747.235
Truy thu thuế TNDN	251.412.582	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	66.147.265.729	50.047.747.235

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	(7.446.163.541)	(7.427.049.407)
	(7.446.163.541)	(7.427.049.407)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. THÔNG TIN KHÁC****34.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan của Công ty bao gồm Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV, các Công ty trong cùng Tổng Công ty, Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, Thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Ngoài các thông tin về số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các Thuyết minh số 7, 8, 17, 21 trong Báo cáo tài chính, Công ty còn có giao dịch với các bên liên quan như sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
				VND	VND
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	Chia cổ tức	60.528.275.400	302.641.377.000
			Chi trả cổ tức	121.056.550.800	181.584.826.200
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.458.166.793	2.483.395.205
			Mua dịch vụ	498.565.100	128.541.960
			Cổ tức được chia	61.200.000.000	91.800.000.000
3	Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải phòng	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.134.310.188	6.873.037.825
			Mua dịch vụ	40.020.216.642	39.598.252.782
			Cổ tức được chia	1.620.000.000	1.620.000.000
4	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.003.481.025	1.653.528.000
			Mua dịch vụ	1.593.456.010	1.965.743.002
			Lợi nhuận được chia	34.267.741.662	48.399.352.716
			Mua dịch vụ	1.269.432.500	1.071.332.400
5	Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con	Mua dịch vụ	1.269.432.500	1.071.332.400
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	140.586.220	398.881.401
			Mua dịch vụ	525.400.000	339.000.000
6	Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Công ty con	Lợi nhuận được chia	18.492.323	8.288.261
			Mua dịch vụ	525.400.000	339.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

STT	Công ty	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
				VND	VND
7	Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN TCT HHVN	Chi nhánh của Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	232.330.578
8	Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	Chi nhánh của Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	503.382.750
9	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.671.433.754	18.002.066.058
10	Công ty CP Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	37.820.000
11	Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.374.518.432	7.431.108.351
12	Công ty CP Vinalines Logistics - Việt Nam	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	306.074.570	688.292.059
13	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (trước đây là Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	408.465.000	340.080.000
14	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.104.000	15.608.917.350
15	Công ty CP HPH Logistics	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.093.193.515	8.014.272.880
16	Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chi nhánh Công ty mẹ	Cổ tức được chia Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.760.000 30.388.668.504	347.880.000 760.994.747
17	Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.647.257.600	241.855.000
				Năm 2019	Năm 2018
				VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc				3.759.920.030	4.996.677.379
Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát				4.462.510.033	2.894.641.324
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát				389.000.000	409.000.000
				8.611.430.063	8.300.318.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng giao và cho thuê đất, mặt nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty hiện chấp hành tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước và chấp hành luật đất đai, sử dụng đúng mục đích được giao.

34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2014. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 01/02/2020.

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 26/06/2019 và giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/07/2019
Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Lương Đình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên	
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2020
	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 31/01/2020
Ông Cao Trung Ngoan	Quyền Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/07/2019
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển công tác từ 01/07/2019

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
	Thành viên	Đến ngày 26/06/2019
Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Đào Thị Phương Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến ngày 31/01/2020 là Ông Cao Trung Ngoan - Quyền Tổng Giám đốc; từ ngày 01/02/2020 đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tường Anh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty trung thực và hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/3/2020, từ trang 07 đến trang 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 14 và số 20 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa là cầu cảng số 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả ước tính tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là 383,3 tỷ đồng và 204,5 tỷ đồng. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thống nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và nhất trí chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có ý kiến chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu cần thiết). Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được một Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ theo Báo cáo kiểm toán được lập ngày 26/3/2019. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05 Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản vay tương ứng được ghi nhận.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thị Thu Hà

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.843.816.477.954	2.319.794.813.283
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	274.089.619.305	394.491.321.799
Tiền	111		59.889.619.305	130.791.321.799
Các khoản tương đương tiền	112		214.200.000.000	263.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.155.035.000.000	1.524.240.170.263
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.155.035.000.000	1.524.240.170.263
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		330.828.103.200	318.280.811.715
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	291.493.964.430	293.229.957.185
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.238.768.976	17.279.249.074
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	71.906.616.080	40.338.656.671
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(36.811.246.286)	(32.567.051.215)
Hàng tồn kho	140	10	57.618.258.728	49.481.635.464
Hàng tồn kho	141		57.618.258.728	49.481.635.464
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.245.496.721	33.300.874.042
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	23.416.648.647	18.390.312.723
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.746.643.474	10.781.986.352
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	82.204.600	4.128.574.967
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.941.361.754.574	3.148.049.720.076
Các khoản phải thu dài hạn	210		266.986.000	293.986.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	266.986.000	293.986.000
Tài sản cố định	220		2.491.599.494.404	2.754.707.388.526
Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.488.844.965.506	2.751.442.554.384
- Nguyên giá	222		7.157.705.294.711	7.103.410.812.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.668.860.329.205)	(4.351.968.258.482)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.754.528.898	3.264.834.142
- Nguyên giá	228		38.154.799.838	37.839.449.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.400.270.940)	(34.574.615.696)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.141.043.844	21.854.046.178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.141.043.844	21.854.046.178
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	351.033.260.518	278.880.938.560
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		261.479.255.530	262.266.933.572
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.201.131.012)	(1.141.131.012)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		73.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		96.320.969.808	92.313.360.812
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	55.419.634.202	58.816.813.365
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	40.901.335.606	33.496.547.447
TỔNG TÀI SẢN	270		5.785.178.232.528	5.467.844.533.359

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.376.894.362.982	1.371.404.750.749
Nợ ngắn hạn	310		686.801.287.098	652.652.720.577
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	75.265.941.546	57.174.759.261
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.187.630.361	3.547.140.308
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	78.383.480.391	43.692.940.429
Phải trả người lao động	314		159.149.945.247	159.811.213.082
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	207.015.863.137	170.000.051.055
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	80.628.067.443	149.413.050.642
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	33.234.797.596	32.361.105.777
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		12.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.935.561.377	36.652.460.023
Nợ dài hạn	330		690.093.075.884	718.752.030.172
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	682.443.408.951	706.941.288.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	23	7.649.666.933	11.810.741.815
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	24	4.408.283.869.546	4.096.439.782.610
Vốn chủ sở hữu	410		4.408.283.869.546	4.096.439.782.610
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		72.599.527.038	72.599.527.038
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418		476.002.019.450	364.436.958.452
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		583.367.538.488	426.203.609.627
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		195.511.609.969	189.495.467.784
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		387.855.928.519	236.708.141.843
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		620.016.475.679	576.901.378.602
TỔNG NGUỒN VỐN	440		5.785.178.232.528	5.467.844.533.359



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	2.116.616.876.172	2.045.549.032.433
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.116.616.876.172	2.045.549.032.433
Giá vốn hàng bán	11	27	1.404.249.933.009	1.394.752.091.904
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		712.366.943.163	650.796.940.529
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	139.193.077.274	106.340.510.742
Chi phí tài chính	22	29	53.092.728.077	59.152.373.792
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>42.499.523.525</i>	<i>43.238.171.219</i>
Lãi đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		31.502.363.740	34.278.265.709
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	211.224.043.891	203.321.027.910
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		618.745.612.209	528.942.315.278
Thu nhập khác	31		3.639.094.079	72.486.312.853
Chi phí khác	32		144.287.701	550.640.739
Lợi nhuận khác	40		3.494.806.378	71.935.672.114
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		622.240.418.587	600.877.987.392
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	131.004.340.047	92.526.333.702
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(11.565.863.044)	(7.350.815.871)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		502.801.941.584	515.702.469.561
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		387.855.928.519	367.492.141.843
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		114.946.013.065	148.210.327.718
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.186	961
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	1.186	961



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020


Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng


Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	622.240.418.587	600.877.987.392
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	331.036.266.899	426.219.155.131
Các khoản dự phòng	03	16.304.195.071	(548.008.956)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.074.810.983	13.668.065.089
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(168.629.178.272)	(205.763.582.646)
Chi phí lãi vay	06	42.499.523.525	43.238.171.219
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	852.526.036.793	877.691.787.229
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	52.784.167.968	(44.242.344.463)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.136.623.264)	(7.557.050.523)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.406.065.504	75.391.139.020
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.629.156.761)	4.789.301.766
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.433.560.694)	(6.248.947.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(108.501.760.312)	(101.802.979.491)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	398.721.500	505.863.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(65.462.722.413)	(61.899.023.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	736.951.168.321	736.627.746.192
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(40.866.009.904)	(322.850.142.620)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.980.000.000	84.786.408.209
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.315.800.759.737)	(2.412.540.170.263)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.612.005.930.000	2.238.800.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	108.374.935.570	127.268.097.641
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(634.305.904.071)	(284.535.807.033)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.974.415.475)	(56.914.930.137)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(189.878.519.850)	(285.538.579.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(222.852.935.325)	(342.453.509.137)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(120.207.671.075)	109.638.430.022
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	394.491.321.799	283.689.798.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(194.031.419)	1.163.093.618
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	274.089.619.305	394.491.321.799



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2014.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng *(Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)*.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển;

...

1.3 CHU KỶ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 05 Công ty con, 06 Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 02 Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Công ty con:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	51%	51%	Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và Kinh doanh kho vận
2	Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải phòng	60%	60%	Số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản, giao nhận, vận tải hàng hóa Hoạt động lai đất, trục vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa
3	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	100%	100%	Số 03 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kho bãi, trung chuyển và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải
4	Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	100%	100%	Số 23 Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng
5	Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	100%	100%	Số 05, đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Giáo dục nghề nghiệp các ngành nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	30,52%	30,52%	Số 3 đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Bốc xếp, giao nhận hàng hóa, vận tải, vệ sinh tàu biển và kho bãi
2	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	27,61%	27,61%	Số 16 đường Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, vận tải và kho bãi
3	Công ty CP HPH Logistics (trước đây là Công ty CP HGH Logistics)	38,81%	38,81%	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
4	Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	32,24%	32,24%	Số 4 đường Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	Vận tải hàng hóa, đường bộ, đường biển, kho bãi, bốc xếp hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải biển
5	Công ty CP Vinalines Đông Bắc (*)	25,00%	25,00%	Số 1, đường Cái Lân, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Bán buôn máy móc và thiết bị phụ tùng
6	Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	20,12%	20,12%	Lô CN 3.2 F, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
7	Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ (**)	23,26%	45,60%	KCN Đình Vũ, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
8	Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (**)	26,01%	50,00%	KCN Đình Vũ, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa, dịch vụ kho bãi

(*) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(**) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 3.015 người (tại ngày 31/12/2018 là 3.276 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và các Công ty con do Công ty kiểm soát. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh vào Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp Vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự trong toàn Công ty mẹ và các công ty con. Trường hợp công ty con sử dụng các chính sách kế toán khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính được sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh lại theo chính sách chung của tập đoàn.

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ (TIẾP)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc sản xuất hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	3 - 20

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: Là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.
- Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm và chi phí khác

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước và thời gian mang lại hiệu quả kinh tế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4.14 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.16 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

4.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được Báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh khai thác Cảng, dịch vụ kho bãi và logistic, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ Công ty cung cấp hoặc tại các khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi và logistics là báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.754.097.371	2.051.827.205
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.110.521.934	128.739.494.594
Tiền đang chuyển	25.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	214.200.000.000	263.700.000.000
	274.089.619.305	394.491.321.799

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2019 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	291.493.964.430	293.229.957.185
- Ocean Network Express Pte., Ltd	11.187.985.469	21.555.874.803
- Wan Hai Lines	13.829.154.898	13.554.538.502
- Maersk Lines A/S	8.989.479.894	7.694.121.574
- HYUNDAI MERCHANT MARINE CO.,LTD	3.484.569.843	10.511.966.338
- Sealand Maersk Asia Pte. Ltd (trước đây là MCC Transport Singapore Pte. Ltd)	9.575.900.189	4.638.050.654
- Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	33.148.385.208	22.439.985.190
- Công ty Cổ phần Vận tải I Traco	7.211.072.142	5.746.364.059
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	5.050.795.970	5.050.795.970
- SITC CONTAINER LINES CO., LTD	17.795.432.088	36.626.674.591
- Công ty TNHH KMTC	1.191.188.996	5.259.360.131
- Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	11.477.022.428	10.363.601.649
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	9.930.305.723
- Phải thu ngắn hạn bên liên quan	23.006.086.457	31.416.094.515
- Các khoản phải thu khách hàng khác	135.616.585.125	108.442.223.486
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
	291.493.964.430	293.229.957.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.238.768.976	17.279.249.074
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	-	3.391.375.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Duy Linh	-	2.446.000.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu Cần	396.073.500	1.629.220.500
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	-	1.255.179.433
- Công ty Cổ phần UNICO VINA	-	4.800.868.600
- Các đối tượng khác	3.842.695.476	3.756.605.541
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
	4.238.768.976	17.279.249.074

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	71.906.616.080	40.338.656.671
- Phải thu lãi tiền gửi	52.024.125.840	25.252.246.878
- Tạm ứng	452.873.016	812.719.004
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	12.465.953.441	9.455.777.154
- Phải thu khác	6.963.663.783	4.817.913.635
Dài hạn	266.986.000	293.986.000
- Phải thu khác	266.986.000	293.986.000
	72.173.602.080	40.632.642.671

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.408.229.737	-	38.266.454.558	-
Công cụ, dụng cụ	11.144.559.328	-	11.163.580.539	-
Hàng hóa	65.469.663	-	51.600.367	-
	57.618.258.728	-	49.481.635.464	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	23.416.648.647	18.390.312.723
- Phí bảo hiểm	6.580.837.272	8.905.304.854
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.528.356.508	3.642.662.776
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	8.226.824.236	3.556.589.847
- Chi phí trả trước khác	4.080.630.631	2.285.755.246
Dài hạn	55.419.634.202	58.816.813.365
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	18.184.604.158	19.846.911.310
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.852.907.479	8.919.244.341
- Giá trị quyền sử dụng đất	28.646.704.261	29.410.616.377
- Chi phí trả trước dài hạn khác	735.418.304	640.041.337
	78.836.282.849	77.207.126.088

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.141.043.844	21.854.046.178
- Mua sắm	121.000.000	-
- Xây dựng cơ bản	2.020.043.844	21.854.046.178
+ <i>Cải tạo bãi chứa hàng tiền phương cầu 1</i>	-	406.673.636
+ <i>Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5,6</i>	65.009.133	19.399.259.649
+ <i>Các công trình khác</i>	1.955.034.711	2.048.112.893
	2.141.043.844	21.854.046.178

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. NỢ XẤU**

Đối tượng	31/12/2019		01/01/2019		Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND				
Công ty CP Dịch vụ thương mại Hoàng Ngân	777.244.311	(777.244.311)	-	777.244.311	-		(777.244.311)	-
Công ty CP Vận tải container Đông Đô cảng HP	3.322.171.132	(3.322.171.132)	-	3.329.357.688	-		(3.329.357.688)	-
Công ty TNHH MTV VT Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	6.628.866.818	-		(6.628.866.818)	-
Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	-	9.930.305.723	-		(9.930.305.723)	-
Công ty CP Dầu tư thương mại và Vận tải Thành Trang	5.050.795.970	(5.050.795.970)	-	5.050.795.970	-		(3.535.557.179)	1.515.238.791
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Linh	2.100.000.000	(1.470.000.000)	630.000.000	2.100.000.000			(1.050.000.000)	1.050.000.000
Đối tượng khác	11.520.465.978	(9.631.862.332)	1.888.603.646	11.048.855.957			(7.315.719.496)	2.760.065.317
Tổng cộng	39.329.849.932	(36.811.246.286)	2.518.603.646	38.865.426.467			(32.567.051.215)	5.325.304.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	2.701.008.577.068	716.659.119.261	3.615.059.934.019	70.683.182.518	7.103.410.812.866
- Mua mới trong năm	-	1.132.500.000	20.849.876.364	1.380.836.137	23.363.212.501
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(14.126.015.636)	-	(14.126.015.636)
- Đầu tư XDCB hoàn thành	44.339.126.407	-	592.374.926	485.013.182	45.416.514.515
- Tặng/Giảm khác	(359.229.535)	-	-	-	(359.229.535)
31/12/2019	2.744.988.473.940	717.791.619.261	3.622.376.169.673	72.549.031.837	7.157.705.294.711
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(1.550.877.675.763)	(491.384.757.899)	(2.263.916.104.460)	(45.789.720.360)	(4.351.968.258.482)
- Khấu hao trong năm	(94.740.405.630)	(50.666.139.087)	(179.610.665.785)	(6.000.875.857)	(331.018.086.359)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	14.126.015.636	-	14.126.015.636
31/12/2019	(1.645.618.081.393)	(542.050.896.986)	(2.429.400.754.609)	(51.790.596.217)	(4.668.860.329.205)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	1.150.130.901.305	225.274.361.362	1.351.143.829.559	24.893.462.158	2.751.442.554.384
31/12/2019	1.099.370.392.547	175.740.722.275	1.192.975.415.064	20.758.435.620	2.488.844.965.506

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.944.032.289.375 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm giá trị đầu tư tạm ghi nhận của 02 cầu Cảng số 04, 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng căn cứ theo Quyết định 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015. Các tài sản nêu trên thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2 (Dự án), do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thống nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay ODA liên quan đến tài sản nêu trên. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án xử lý chính thức đối với các nội dung nêu ra trong văn bản 8715 của Bộ Tài chính vẫn chưa được xác định.

15. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	37.839.449.838	37.839.449.838
- Mua trong năm	315.350.000	315.350.000
31/12/2019	38.154.799.838	38.154.799.838
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2019	(34.574.615.696)	(34.574.615.696)
- Khấu hao trong năm	(825.655.244)	(825.655.244)
31/12/2019	(35.400.270.940)	(35.400.270.940)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	3.264.834.142	3.264.834.142
31/12/2019	2.754.528.898	2.754.528.898

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.671.625.838 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Thuế suất	Số thuế hoãn lại	Thuế suất
	VND	%	VND	%
	204.506.678.033	20%	40.901.335.606	20%
+ Chi phí lãi vay dự trả liên quan đến khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bến Cảng Chùa Vẽ	-	-	-	20%
+ Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	915.174.935	20%
+ Lãi/Lỗ CLTG do đánh giá lại tiền và phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính	-	-	(756.083.360)	20%
	204.506.678.033		40.901.335.606	
				167.482.737.236
				33.496.547.447

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**17.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	15.307.119.745	-	15.307.119.745	-
Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng hải	144.385.243	-	144.385.243	-
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	122.500.000	-	122.500.000	-
Công ty CP Vinalines Logistics	2.181.131.012	(1.201.131.012)	2.181.131.012	(1.141.131.012)
	17.755.136.000	(1.201.131.012)	17.755.136.000	(1.141.131.012)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)****17.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2019				01/01/2019			
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	%	%	VND	VND	%	%	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	30,52%	30,52%	31.440.000.000	26.394.910.972	30,52%	30,52%	31.440.000.000	24.738.511.937
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	27,61%	27,61%	25.289.203.035	25.918.421.533	27,61%	27,61%	25.289.203.035	26.163.622.997
Công ty CP HPH Logistics (trước đây là Công ty CP HGH Logistics)	38,81%	38,81%	11.596.000.000	13.151.486.190	38,81%	38,81%	11.596.000.000	12.724.102.596
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	32,24%	32,24%	6.300.000.000	-	32,24%	32,24%	6.300.000.000	-
Công ty CP Vinalines Đông Bắc	25,00%	25,00%	5.518.034.429	-	25,00%	25,00%	5.518.034.429	-
Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	20,12%	20,12%	3.000.000.000	2.526.630.725	20,12%	20,12%	3.000.000.000	2.054.129.546
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	50,00%	26,01%	128.672.013.800	169.345.433.517	50,00%	26,01%	128.672.013.800	168.004.212.418
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	45,60%	23,26%	13.680.000.000	24.142.372.593	45,60%	23,26%	13.680.000.000	28.582.354.078
			225.495.251.264	261.479.255.530			225.495.251.264	262.266.933.572

17.3 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2019 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	75.265.941.546	75.265.941.546	57.174.759.261	57.174.759.261
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tân Cảng	413.719.564	413.719.564	4.946.287.744	4.946.287.744
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	4.227.322.631	4.227.322.631	779.262.503	779.262.503
Công ty Cổ phần Dolphin	1.728.205.050	1.728.205.050	2.245.922.800	2.245.922.800
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.962.756.631	2.962.756.631	2.679.370.997	2.679.370.997
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	-	-	1.979.900.200	1.979.900.200
Các nhà cung cấp khác	65.933.937.670	65.933.937.670	44.544.015.017	44.544.015.017
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	75.265.941.546	75.265.941.546	57.174.759.261	57.174.759.261

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	1.881.326.157	125.969.941.488	123.039.025.031	4.812.242.614
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.457.250.854	129.842.999.338	108.501.760.312	35.798.489.880
- Thuế thu nhập cá nhân	1.511.933.077	18.087.774.972	17.104.425.493	2.495.282.556
- Tiền thuế đất	25.842.430.341	38.700.413.425	29.265.378.425	35.277.465.341
- Các loại thuế khác	-	21.433.463	21.433.463	-
	43.692.940.429	312.622.562.686	277.932.022.724	78.383.480.391

	01/01/2019	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu/bù trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.176.625.671	-	1.161.340.709	15.284.962
- Thuế thu nhập cá nhân	2.951.949.296	-	2.885.029.658	66.919.638
	4.128.574.967	-	4.046.370.367	82.204.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Ảnh hưởng của CLTC	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả							
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (*)	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	873.691.821	33.234.797.596	33.234.797.596
	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	873.691.821	33.234.797.596	33.234.797.596
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn							
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II (*)	323.611.057.770	323.611.057.770	-	(32.974.415.473)	8.476.536.067	299.113.178.364	299.113.178.364
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (**)	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
- Vay dài hạn ODA cầu số 4,5 bãi container, bến Cảng chùa Vẽ (**)	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
	706.941.288.357	706.941.288.357	-	(32.974.415.473)	8.476.536.067	682.443.408.951	682.443.408.951

(*) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa chi nhánh Quỹ HTPT Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm và phí vay lại 0,2%/năm, lãi và gốc được trả thành 40 kỳ vào ngày 20 tháng 02 và 20 tháng 08 hàng năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

(**) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 4, số 5 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 ("Quyết định 4196") của Bộ Giao thông Vận tải.

Căn cứ theo Quyết định số 4196 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng bãi container và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc Dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đến thời điểm hiện tại phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng đồng VND và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm hiện tại với lãi suất vay là 9,5%/ năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm, phần vốn đối ứng không tính lãi.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có ý kiến chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	207.015.863.137	170.000.051.055
- Chi phí phải trả lãi vay (*)	206.362.287.565	169.296.324.734
- Phải trả khác	653.575.572	703.726.321
Dài hạn	-	-
	207.015.863.137	170.000.051.055

(*) Bao gồm chi phí lãi vay phải trả tạm tính cho khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ với giá trị lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 204.506.678.033 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 167.323.645.661 đồng).

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	80.628.067.443	149.413.050.642
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	1.047.249.219	1.125.901.667
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, đặt cọc	6.000.000	6.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	68.504.463.500	133.110.983.350
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	9.160.491.875	11.018.373.500
- Phải nộp ngắn hạn khác	1.909.862.849	4.151.792.125
Dài hạn	-	-
	80.628.067.443	149.413.050.642

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	31/12/2019				01/01/2019			
	Giá trị	Thuế suất	Số thuế hoãn lại	Giá trị	Thuế suất	Số thuế hoãn lại		
	VND	%	VND	VND	%	VND	VND	
+ Dự phòng đầu tư tài chính	18.248.334.662	20%	3.649.666.933	20.053.709.087	20%	4.010.741.815		
+ Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế trên Báo cáo hợp nhất	20.000.000.000	20%	4.000.000.000	39.000.000.000	20%	7.800.000.000		
	38.248.334.662		7.649.666.933	59.053.709.087		11.810.741.815		

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****24.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND					
01/01/2018	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	269.015.348.989	534.734.008.439	529.871.335.898	4.062.518.529.255
- Lãi trong năm	-	-	-	-	367.492.141.843	148.210.327.718	515.702.469.561
- Trích lập các quỹ	-	-	-	95.332.604.246	(95.332.604.246)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(45.861.777.827)	(9.730.103.884)	(55.591.881.711)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(326.960.000.000)	(89.280.000.000)	(416.240.000.000)
- Tặng/Giảm khác	-	-	-	89.005.217	(7.868.158.582)	(2.170.181.130)	(9.949.334.495)
31/12/2018	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	364.436.958.452	426.203.609.627	576.901.378.602	4.096.439.782.610
01/01/2019	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	364.436.958.452	426.203.609.627	576.901.378.602	4.096.439.782.610
- Trích quỹ	-	-	-	111.473.688.453	(111.473.688.453)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(53.310.308.983)	(11.682.787.988)	(64.993.096.971)
- Lãi trong năm	-	-	-	-	387.855.928.519	114.946.013.065	502.801.941.584
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(65.392.000.000)	(59.880.000.000)	(125.272.000.000)
- Tặng/Giảm khác	-	-	-	91.372.545	(516.002.222)	(268.128.000)	(692.757.677)
31/12/2019	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	476.002.019.450	583.367.538.488	620.016.475.679	4.408.283.869.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

(*) Phản ánh chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải phòng tại thời điểm cổ phần hóa Cảng Hải Phòng.

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-Công ty TNHH MTV Cổ đông khác	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%
	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000	7,44%
	3.269.600.000.000	100%	3.269.600.000.000	100%

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(65.392.000.000)	(326.960.000.000)

24.4 Cổ phiếu

	31/12/2019 CP	01/01/2019 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	489.962,76	3.333.590,42
- Euro (EUR)	5,14	5,14
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.183.298.144	2.183.298.144

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.116.616.876.172	2.045.549.032.433
	<u>2.116.616.876.172</u>	<u>2.045.549.032.433</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.404.249.933.009	1.394.752.091.904
	<u>1.404.249.933.009</u>	<u>1.394.752.091.904</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.997.875.342	100.726.066.258
Cổ tức lợi nhuận được chia	148.939.190	148.939.190
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.037.394.882	5.461.316.494
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.867.860	4.188.800
	<u>139.193.077.274</u>	<u>106.340.510.742</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	42.499.523.525	43.238.171.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.533.204.552	15.754.202.573
Hoàn nhập/Trích dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	60.000.000	160.000.000
	<u>53.092.728.077</u>	<u>59.152.373.792</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	122.697.995.077	114.461.313.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.794.522.301	8.523.645.604
Dự phòng/hoàn nhập số dư dự phòng phải thu	4.264.826.763	6.854.491.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.669.349.662	5.674.213.284
Các khoản chi phí khác	70.797.350.088	67.807.364.879
	211.224.043.891	203.321.027.910

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, văn phòng phẩm	156.715.513.672	143.793.023.979
Chi phí nhân công	719.492.376.820	669.443.066.244
Khấu hao tài sản cố định	331.036.266.899	426.219.155.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.370.057.789	147.328.880.269
Dự phòng/hoàn nhập số dư dự phòng phải thu	4.264.826.763	6.854.491.044
Chi phí bằng tiền khác	281.594.934.957	204.434.503.147
	1.615.473.976.900	1.598.073.119.814

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại trong năm		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(361.074.885)	(1.099.656.600)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	41.375.382	417.265.518
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(7.446.163.541)	(7.468.424.789)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.800.000.000)	800.000.000
	(11.565.863.044)	(7.350.815.871)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. CHI PHÍ THUÊ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	622.240.418.587	600.877.987.392
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	42.046.248.405	43.815.761.063
- Chi phí lãi vay trích trước	37.183.032.372	37.183.032.372
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	272.638.046	7.422.462
- Chi phí không hợp lý khác	4.590.577.987	6.625.306.229
Trừ:	10.522.029.656	35.629.778.310
- Lỗ tại các công ty con	(323.898.849)	(348.564.202)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	148.939.190	148.939.190
- Lãi đầu tư vào công ty liên kết	31.502.363.740	34.278.265.709
- Hoàn nhập dự phòng sửa chữa lớn tại công ty con	(19.000.000.000)	4.000.000.000
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	(1.805.374.425)	(5.498.283.002)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	-	963.093.024
- Các khoản khác	-	2.086.327.591
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	653.764.637.336	609.063.970.145
Thuế suất	20%	20%
Thuế suất	10%	10%
Thu nhập tính theo thuế suất 20%	653.764.637.336	316.111.166.864
Thu nhập tính theo thuế suất 10%	-	292.952.803.281
Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	130.752.927.469	92.517.513.702
Thuế TNDN phải trả ước tính	130.752.927.465	92.517.513.702
Truy thu thuế TNDN	251.412.582	8.820.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	131.004.340.047	92.526.333.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	387.855.928.519	367.492.141.843
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành năm hiện hành	-	(53.310.308.983)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	387.855.928.519	314.181.832.860
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ (CP)	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	1.186	961
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	1.186	961

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 do thay đổi số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính 2018 trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại là 961 VND/CP (số liệu trước đó được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 là 1.124 VND/CP).

Lợi nhuận dùng để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 chưa được điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông của Công ty và các công ty con chưa phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tr, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai năm tafhi chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***35. BÁO CÁO BỘ PHẬN***Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***Năm 2019**

Chi tiêu	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và khai thác cảng		Hoạt động khác		Tổng bộ phận đã báo cáo		Điều chỉnh /Loại trừ		Tổng cộng toàn Công ty	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.112.401.487.887	4.215.388.285	2.116.616.876.172							2.116.616.876.172
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	64.822.975.355	3.312.480.500	68.135.455.855				(68.135.455.855)			-
Giá vốn	1.448.151.217.381	6.096.504.351	1.454.247.721.732				(49.997.788.723)			1.404.249.933.009
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	729.073.245.861	1.431.364.434	730.504.610.295				(18.137.667.132)			712.366.943.163
Thu nhập không phân bổ			272.306.649.769				(129.474.478.416)			142.832.171.353
Chi phí không phân bổ			262.655.685.244				1.805.374.425			264.461.059.669
Lãi lỗ Công ty liên doanh liên kết			31.502.363.740				-			31.502.363.740
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			771.657.938.560				(149.417.519.973)			622.240.418.587
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp			119.438.477.003				-			119.438.477.003
Lợi nhuận sau thuế TNDN			652.219.461.557				(149.417.519.973)			502.801.941.584
TÀI SẢN										
Tài sản ngắn hạn	2.918.309.717.914	3.659.508.507	2.921.969.226.421				(78.152.748.467)			2.843.816.477.954
Tài sản dài hạn	4.153.470.244.962	13.160.861.793	4.166.631.106.755				(1.225.269.352.181)			2.941.361.754.574
NỢ PHẢI TRẢ										
Nợ ngắn hạn	783.222.730.470	1.731.305.095	784.954.035.565				(98.152.748.467)			686.801.287.098
Nợ dài hạn	682.443.408.951	-	682.443.408.951				7.649.666.933			690.093.075.884

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai năm taftfi chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)***Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***Năm 2018**

Chi tiêu	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và khai thác cảng		Hoạt động khác		Tổng bộ phận đã báo cáo		Điều chỉnh /Loại trừ		Tổng cộng toàn Công ty	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.040.295.804.575	5.253.227.858	2.045.549.032.433	-	2.045.549.032.433	-	-	-	2.045.549.032.433	
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	64.319.729.062	2.453.728.400	66.773.457.462	(66.773.457.462)	-	(66.773.457.462)			-	
Giá vốn	1.459.863.441.776	6.320.448.339	1.466.183.890.115	(71.431.798.211)	1.394.752.091.904				1.394.752.091.904	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	644.752.091.861	1.386.507.919	646.138.599.780	4.658.340.749	650.796.940.529				650.796.940.529	
Thu nhập không phân bổ			348.186.398.490	(169.359.574.895)	178.826.823.595				178.826.823.595	
Chi phí không phân bổ			257.525.759.439	5.498.283.002	263.024.042.441				263.024.042.441	
Lãi lỗ Công ty liên doanh liên kết			34.278.265.709	-	34.278.265.709				34.278.265.709	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			771.077.504.540	(170.199.517.148)	600.877.987.392				600.877.987.392	
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp			85.175.517.831	-	85.175.517.831				85.175.517.831	
Lợi nhuận sau thuế TNDN			685.901.986.709	(170.199.517.148)	515.702.469.561				515.702.469.561	
TÀI SẢN										
Tài sản ngắn hạn	2.390.695.116.006	6.352.023.883	2.397.047.139.889	(77.252.326.606)	2.319.794.813.283				2.319.794.813.283	
Tài sản dài hạn	4.359.744.519.532	10.981.500.258	4.370.726.019.790	(1.222.676.299.714)	3.148.049.720.076				3.148.049.720.076	
NỢ PHẢI TRẢ										
Nợ ngắn hạn	766.984.487.096	1.920.560.087	768.905.047.183	(116.252.326.606)	652.652.720.577				652.652.720.577	
Nợ dài hạn	706.941.288.357	-	706.941.288.357	111.810.741.815	718.752.030.172				718.752.030.172	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Công ty bao gồm các Công ty trong cùng Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, các Công ty liên doanh, liên kết, các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Số dư với bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết	760.353.324	697.141.335
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	382.664.020	21.934.000
- Công ty Cổ phần HPH Logistic	Công ty liên kết	1.016.409.895	2.448.444.194
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	Công ty liên kết	3.322.171.132	3.329.357.688
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	7.311.649.445	8.008.984.801
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	1.157.829.743	2.933.889.016
- Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	-	15.609.368
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (trước đây là Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam)	Công ty cùng Tổng Công ty	1.083.027.000	729.140.500
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Công ty cùng Tổng Công ty	-	9.719.060.243
- Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chi nhánh của Công ty mẹ	5.670.472.868	1.211.024.340
- Công ty VTB Container Vinaline - Chi nhánh TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	Chi nhánh của Công ty mẹ	2.301.509.030	2.301.509.030
		23.006.086.457	31.416.094.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả người bán			
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết	2.835.683.971	2.679.370.997
- Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chi nhánh của Công ty mẹ	-	233.262.700
		2.603.222.071	2.912.633.697
Phải trả khác			
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	60.528.275.400	121.056.550.800
		60.528.275.400	121.056.550.800

Giao dịch với bên liên quan:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu với bên liên quan			
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	Chi nhánh của Công ty mẹ	-	506.532.750
- Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		2.760.000	1.741.805.219
- Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chi nhánh của Công ty mẹ	30.388.668.504	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết	8.474.195.744	8.580.807.325
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	2.396.729.200	1.030.099.282
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	Công ty cùng Tổng Công ty	7.773.510.814	14.021.599.582
- Công ty CP HPH Logistics	Công ty liên kết	6.093.193.515	8.014.272.880
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Công ty cùng Tổng Công ty	19.671.433.754	18.002.066.058
- Công ty CP Vinalines Logistics - Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	357.370.070	941.988.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu với bên liên quan			
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (trước đây là Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam)	Công ty cùng Tổng Công ty	3.794.047.000	3.964.805.000
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Công ty cùng Tổng Công ty	-	55.610.000
- Công ty CP Phát triển Hàng hải (Vimadeco)		41.035.000	20.020.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Công ty cùng Tổng Công ty	1.529.475.972	30.135.329.700
- Chi nhánh Tổng Công ty HHVN tại Hải Phòng (Vinalines HP)	Chi nhánh của Công ty mẹ	1.333.547.094	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Công ty cùng Tổng Công ty	19.290.000	460.000
		81.875.256.667	87.015.396.355
Mua hàng từ bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết	23.122.933.748	26.427.179.869
		23.122.933.748	26.427.179.869
Chia cổ tức			
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	60.528.275.400	302.641.377.000
		60.528.275.400	302.641.377.000
Chi trả cổ tức			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	121.056.550.800	181.584.826.200
		121.056.550.800	181.584.826.200
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát			
		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc		3.759.920.030	4.996.677.379
Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		4.462.510.033	2.894.641.324
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		389.000.000	409.000.000
		8.611.430.063	8.300.318.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng giao và cho thuê đất, mặt nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty hiện chấp hành tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước và chấp hành luật đất đai, sử dụng đúng mục đích được giao.

36.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 691 /CV-CHP

“V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán trong BCTC năm 2019 đã
được kiểm toán”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2019 đến ngày 31/12/2019 của Công ty như sau:

Ý kiến “*Như đã đề cập tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa là cầu cảng số 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả ước tính tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là 383,3 tỷ đồng và 204,5 tỷ đồng. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thống nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và nhất trí chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết). Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.”.*

Ý kiến ngoại trừ này đã được nêu từ giai đoạn công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 1/7/2014 và đã được Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng giải trình bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC từ

năm 2014 đến năm 2018. Cho đến ngày 31/12/2019, Bộ Tài chính chưa phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ nên vẫn tồn tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán nêu trên đến Quý cơ quan để làm rõ hơn các thông tin trong báo cáo tài chính cũng như đề Quý vị cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: *th*

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT Cty (đề b/cáo);
- Lưu Thư ký Cty, VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Lương Anh